

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**VI THỊ HÀ**

**TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI  
PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự**

**Mã số: 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Người hướng dẫn khoa học: TS Nguyễn Văn Điệp**

**Hà Nội, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**VI THỊ HÀ**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM .....</b>	<b>7</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh tụng .....	7
1.2. Tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.....	13
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM Ở TỈNH THÁI NGUYÊN .....</b>	<b>30</b>
2.1. Khái quát đặc điểm về tự nhiên, kinh tế - xã hội ở tỉnh Thái Nguyên.....	30
2.2. Những kết quả hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm .....	36
2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.....	43
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM .....</b>	<b>55</b>
3.1. Những yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm .....	55
3.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa theo đúng tinh thần cải cách tư pháp .....	59
3.3. Một số giải pháp khác nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm .....	63
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>74</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>76</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>BLTTHS</b>	Bộ luật tố tụng hình sự
<b>CQĐT</b>	Cơ quan điều tra
<b>HĐXX</b>	Hội đồng xét xử
<b>HĐND</b>	Hội đồng nhân dân
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân
<b>KSV</b>	Kiểm sát viên
<b>THQCT</b>	Thực hành quyền công tố
<b>KSXX</b>	Kiểm sát xét xử
<b>TAND</b>	Tòa án nhân dân
<b>TANDTC</b>	Tòa án nhân dân tối cao
<b>TTHS</b>	Tố tụng hình sự
<b>VKS</b>	Viện kiểm sát
<b>VKSNDTC</b>	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b>Bảng 2.1</b> So sánh mức độ gia tăng của một số nhóm tội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015 (số lượng vụ án, số lượng bị can Cơ quan điều tra khởi tố) .....	34
<b>Bảng 2.2.</b> Số lượng vụ án TAND cấp sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và tỷ lệ số vụ Tòa án chấp nhận quan điểm của VKS (2011-2015) .....	37

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ quan điểm của Đảng ta về chiến lược cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, cùng với việc hội nhập, đổi mới phát triển đất nước. Đảng ta đã có chủ trương, đường lối và tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp trong đó có ngành KSND. Đây là một chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng được thể hiện trong nhiều văn kiện như: Chỉ thị 53-CT/TW ngày 21/3/2000 Về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000; Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị đã chỉ rõ “... *nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa..., việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa...là một trong những giải pháp quan trọng của cải cách tư pháp, là đòi hỏi tất yếu để xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, với mục đích đảm bảo tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng, hướng đến bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người*” và nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục khẳng định “*Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp...*” là những định hướng và yêu cầu thúc đẩy việc nghiên cứu nhiều hơn nữa vấn đề tranh tụng trong hoạt động tố tụng, về chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, mở rộng yếu tố tranh tụng ... vì vậy, tranh tụng được xác định là một trong những nội dung quan trọng về cải cách tư pháp. Với mục đích góp phần làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình

sự, tác giả chọn đề tài “*Tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên*” làm đề tài Luận văn Thạc sỹ Luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Liên quan đến đề tài, từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu, một số tác phẩm như: Công trình nghiên cứu mang tính đại cương có “*Giáo trình tố tụng hình sự Việt Nam*” (của Đại học Luật Hà Nội), “*Giáo trình kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự*” (của Học viện tư pháp), Công trình mang tính chuyên sâu vào nội dung có “*Tranh tụng tại phiên tòa theo yêu cầu của cải cách tư pháp*” (Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội 2011 của Nguyễn Mai Chi; Luận văn thạc sỹ luật học của Nguyễn Tiến Long về “*Thực hiện pháp luật đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử hình sự sơ thẩm ở Việt Nam hiện nay*” - năm 2005. Luận văn trên đã làm rõ thêm các khái niệm tranh tụng, vai trò, đặc điểm của tranh tụng và nguyên tắc tranh tụng trong xét xử hình sự và đề xuất các giải pháp đảm bảo tranh tụng trong xét xử sơ thẩm ở nước ta hiện nay; Luận văn thạc sỹ luật học của Hoàng Anh Phương “*Năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự ở Việt Nam hiện nay*” - năm 2007. Luận văn trên đã phân tích, đánh giá thực trạng về năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội “*Tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, Hà Nội*” - năm 2015. Nội dung luận văn đã phân tích đánh giá thực trạng tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm và đề xuất những giải pháp để nâng cao năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Đề tài khoa học cấp Bộ của Trường đào tạo các chức danh Tư pháp- Bộ tư pháp “Tranh tụng tại phiên tòa - một số vấn đề lý luận và thực tiễn” - năm 2003. Nội dung của đề tài làm rõ các vấn đề lý luận có liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa. Đánh giá đúng thực trạng tranh tụng và đề ra giải pháp nhằm mở rộng tranh tụng tại phiên tòa, định hướng cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo chức danh tư pháp ở nước ta.

Đề tài khoa học cấp bộ của Viện KSNDTC “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đổi mới thủ tục tranh tụng tại phiên tòa*” - năm 2004. Nội dung nghiên cứu đã chỉ ra một số vấn đề lý luận cơ bản về hệ thống tranh tụng qua phương pháp so sánh với hệ thống tố tụng hình sự thẩm vấn và những quy định trong Bộ luật TTHS cần sửa đổi bổ sung để đáp ứng yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

“*Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*” của Tiến sỹ Dương Thanh Biểu, Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2007 viết về những vấn đề lý luận, vận dụng kiến thức pháp luật, các trình tự, nội dung liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm qua các ví dụ minh họa đã nêu lên được những tồn tại, thiếu sót của Kiểm sát viên trong việc tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

Đề tài khoa học cấp Bộ của Viện KSNDTC “*Chuyên đề tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*” - năm 2014. Nội dung của đề tài làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa, đánh giá thực trạng hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên.

Ngoài ra, còn một số bài báo và tạp chí có đề cập đến nội dung nghiên cứu tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa như: Tạp chí khoa học pháp lý số 4 năm 2004 của tác giả PGS.TS Trần Văn Độ “*Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 191, 03/2011 của tác giả Nguyễn Kim Chi “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng trong*



*phiên tòa hình sự*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số 08/2003 của tác giả PGS.TS Nguyễn Văn Huyền “*Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo trong phiên tòa mở rộng tranh tụng*”, Tạp chí kiểm sát, số 18/2013 của tác giả Nguyễn Đức Hạnh “*Về kỹ năng xây dựng và trình bày bản luận tội*”, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014) của tác giả Đoàn Minh Hương “*Nâng cao năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên qua các phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm ở tỉnh Phú Thọ*”, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014) của tác giả Phạm Minh Tuyên “*Bàn về tranh tụng tại các phiên tòa hình sự*”, Tạp chí kiểm sát, số 12/2014 của tác giả Nguyễn Chí Dũng “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự*”, Tạp chí kiểm sát, số 01/2015, của tác giả Tôn Thiện Phương “*Các giải pháp về công tác cán bộ của VKSND tỉnh Nghệ An nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự*”.

Qua nghiên cứu các công trình nêu trên thấy rằng, thực trạng hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự nói chung và phiên tòa hình sự sơ thẩm nói riêng được đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện, đầy đủ hơn nhằm làm sáng tỏ một số lý luận thực tiễn về hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa. Để qua đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1 Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Qua thực tiễn, với mong muốn nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài của luận văn, luận chứng và đề xuất những giải pháp về tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự thực hiện được tốt hơn, đảm bảo phiên tòa hình sự thể hiện đầy đủ tính dân chủ, bình đẳng, khách quan, công khai. Qua đó làm căn cứ để Hội đồng xét xử ra Bản án quyết định đúng người, đúng tội, đúng

pháp luật; góp phần hoàn thiện các quy định về tranh tụng của Bộ luật tố tụng hình sự, thực hiện cải cách tư pháp, lấy “*xét xử là hoạt động trung tâm*” theo tinh thần của Nghị quyết 08 và Nghị quyết 49 của Bộ chính trị (Khóa IX). Đó là mục đích nghiên cứu của luận văn.

### *3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trên, luận văn đã:

- Nghiên cứu cơ sở pháp lý và cơ sở lý luận của hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm như: Khái niệm, đặc điểm của tranh tụng; quy định của pháp luật TTHS về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm; các quy định về bảo đảm cho hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa.

- Phân tích, đánh giá thực trạng về tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm ở tỉnh Thái Nguyên những năm gần đây, qua đó rút ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và những đánh giá về thực trạng hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm ở tỉnh Thái Nguyên, luận văn nêu ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm nói chung và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói riêng trước yêu cầu cải cách tư pháp.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận có liên quan đến tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và những yếu tố đảm bảo tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thực hiện ở địa phương.

*Phạm vi nghiên cứu:* Từ thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, luận văn nghiên cứu vấn đề về tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm thực tế thực hiện ở địa phương.

Về thời gian nghiên cứu, luận văn chủ yếu tập trung làm rõ những vấn đề có liên quan đến đề tài trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và các phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp phân tích tổng hợp. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp của các bộ môn khoa học khác như phương pháp so sánh, thống kê kết hợp với khảo sát thực tế để giải quyết vấn đề đặt ra.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn, với mức độ nhất định sẽ góp phần làm cơ sở tham khảo cho việc nghiên cứu, phục vụ yêu cầu thực tiễn về các tiêu chí đánh giá chất lượng, năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm trong tố tụng hình sự.

Luận văn cũng có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, phục vụ việc “*đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng...*” theo yêu cầu của Nghị Quyết 49 Bộ chính trị (Khóa IX) về cải cách tư pháp.

### **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được trình bày thành gồm 3 chương, 8 mục lớn và các tiểu mục.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Chương 2: Thực tiễn tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên.

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

#### 1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh tụng

##### 1.1.1 . Khái niệm tranh tụng

Theo Đại từ điển Tiếng Việt năm 1998 thì “tranh tụng” có nghĩa là “kiện tụng”, Theo Hán - Việt tự điển thì “tranh tụng” có nghĩa là “cãi lẽ, cãi nhau để tranh lấy lẽ phải”. Trong tiếng Anh, tranh tụng là “Adversarial”, có nghĩa là đối kháng, đương đầu. Tranh tụng diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tranh tụng trong tố tụng dân sự, tranh tụng trong tố tụng hành chính, kinh doanh thương mại, lao động... Trong phạm vi luận văn này tác giả chỉ đề cập đến tranh tụng trong tố tụng hình sự.

Hệ thống tư pháp nước ta được tổ chức và hoạt động theo truyền thống luật Châu Âu lục địa. Tức là hệ thống luật sử dụng mô hình tố tụng xét hỏi. Do đó, trước năm 2002 thuật ngữ “tranh tụng” chưa từng được sử dụng trong các văn bản pháp luật của nước ta. Sau khi Bộ luật TTHS năm 1988 ra đời, vấn đề tranh tụng đã được đề cập đến trong các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Đặc biệt, Nghị Quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định rằng: “*Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng; tham gia hỏi cung; nghiên cứu hồ sơ vụ án; tranh luận dân chủ tại phiên tòa ...Nâng cao chất lượng công tố của KSV tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... Khi xét xử Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc xét xử của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét*

*đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, của người bào chữa, bị cáo...”.*

Nghị quyết số 49–NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị một lần nữa yêu cầu “*Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của các cơ quan tư pháp...*” [3] Nghị quyết số 37/NQ-QH13 ngày 23/11/2012 tiếp tục khẳng định “*KSV phải chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự ...TANDTC chỉ đạo các Tòa án tiếp tục đẩy mạnh việc tranh tụng tại phiên tòa*” [4] . Quan điểm, chủ trương của Đảng về hoạt động tranh tụng tiếp tục được thể chế hóa ở Hiến Pháp 2013. Tại Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp quy định: “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”. Như vậy, lần đầu tiên, việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử được ghi nhận thành một nguyên tắc, thể hiện bước tiến lớn trong hoạt động xây dựng pháp luật và phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta.

Cho đến nay, tranh tụng trong TTHS không còn là vấn đề mới. Song đây vẫn là vấn đề gây ra nhiều tranh cãi với nhiều cách hiểu và lý giải khác nhau. Trong đó, đa phần để làm sáng tỏ khái niệm này, các nhà nghiên cứu thường đề cập đến các vấn đề về mô hình tố tụng tranh tụng, nguyên tắc tranh tụng, quá trình tranh tụng...tức và giải thích tranh tụng dưới góc độ khác nhau.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hội tụ đầy đủ ba chức năng cơ bản của TTHS là chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử. Các chức năng này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi chức năng tồn tại và vận động trong chừng mực tồn tại và vận động của chức năng kia, cạnh tranh quyết liệt nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận các quan điểm của mình, phản bác quan điểm của bên kia, góp phần làm sáng tỏ sự thật vụ án. Tại phiên tòa, hoạt động tranh tụng được thực hiện ngay từ khi bắt đầu phiên tòa và kết thúc khi các bên tranh

luận xong. Quá trình tranh tụng được xem là kết thúc khi bản án hay quyết định của Tòa án về vụ án đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm hay tái thẩm của các chủ thể có các quyền đó. Hiện nay, trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, xử lý người phạm tội, các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án luôn luôn tuân thủ những nguyên tắc của luật hình sự nói chung, nguyên tắc công bằng nói riêng, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội và nếu “Thiếu sự cưỡng chế tư pháp hình sự sẽ không có sức mạnh, thiếu sự giáo dục tư pháp sẽ vô nhân đạo. Nhưng thiếu công bằng tư pháp nói chung sẽ không tồn tại” [28, tr.47]. Chính vì vậy, tư tưởng công bằng được thể hiện xuyên suốt quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự là cơ sở trong việc bảo đảm tính khách quan, công bằng của các bản án hình sự.

Mặt khác, cần xem “*tranh tụng là nguyên tắc quan trọng, nguyên tắc đặc trưng của hoạt động tư pháp và là đặc trưng nổi bật nhất của tư pháp hình sự*”. Trên cơ sở chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV trong xét xử hình sự, các quy định của BLTTHS và quy định của Hiến pháp 2013, có thể hiểu:

*Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự là hoạt động của bên buộc tội và bên gỡ tội, dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, lập luận của mình để phản bác chứng cứ, lập luận của đối phương nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận quan điểm đề xuất của mình, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.*

Từ khái niệm trên cho ta thấy bản chất của tranh tụng được hiểu như sau:

+ Tranh tụng là hoạt động tố tụng hình sự, do vậy hoạt động tranh tụng phải tuân theo các quy định của BLTTHS.

+ Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa diễn ra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu các bên tiến hành tranh

tụng hoặc chấm dứt tranh tụng, điều chỉnh nội dung cũng như phương pháp tranh tụng cho phù hợp với quy định của pháp luật và sự cần thiết làm rõ các vấn đề của vụ án. Chủ tọa phiên tòa là người trọng tài và qua phiên tòa xác định xem “sự thật” của ai thuyết phục hơn để qua đó phán xét, quyết định.

+ Chủ thể của tranh tụng gồm có KSV và người tham gia tố tụng khác. Các chủ thể xuất phát từ những địa vị pháp lý khác nhau nhưng bình đẳng với nhau trong quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, yêu cầu, quan điểm về giải quyết vụ án. KSV có thể tranh tụng với người bào chữa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

+ Đối tượng của hoạt động tranh tụng là các quan điểm của các bên đưa ra trong việc giải quyết vụ án.

+ Mục tiêu của hoạt động tranh tụng là nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Sự thật khách quan này gồm sự thật đã diễn ra thực tế và được nhìn nhận, đánh giá dưới góc độ pháp lý (dưới góc độ đánh giá trên cơ sở pháp luật hình sự và TTHS).

+ Tranh tụng được tiến hành trên cơ sở tư duy logic hình thức. Các bên tranh tụng có thể sử dụng các kỹ năng tranh tụng khác nhau để khẳng định quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm hoặc thừa nhận quan điểm của bên tranh tụng đối lập.

+ Cách thức tranh tụng là các bên chủ thể tranh tụng sử dụng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như những chứng cứ mới đưa ra đã được kiểm tra tại phiên tòa dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành để làm rõ các đối tượng tranh tụng.

+ Tranh tụng không chỉ là quyền, trách nhiệm của các bên tham gia tranh tụng. Chân lý về vụ án phải tìm thấy, có được thông qua tranh tụng. Tất nhiên, thuộc tính này của tranh tụng là xét về nguyên tắc. Với những vụ án mà bị cáo nhận tội và có đủ chứng cứ để khẳng định lời nhận tội của bị cáo là

có cơ sở, tại phiên toà không có những quan điểm xung đột thì không phát sinh tranh tụng hoặc nếu có thì chỉ ở mức độ nhất định [40].

### **1.1.2 . Đặc điểm tranh tụng**

Tranh tụng tại phiên tòa xét xử án hình sự có một số đặc điểm sau đây:

*Thứ nhất:* Phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa KSV với những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử phải tạo điều kiện cho những người tham gia tố tụng trình bày đầy đủ ý kiến của mình và HĐXX phải chú ý lắng nghe và tôn trọng lẽ phải của KSV thực hành quyền công tố qua lời trình bày luận tội, những căn cứ để buộc tội và các ý kiến phản biện của bị cáo, người bị hại, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

*Thứ hai:* Hoạt động xét xử phải bảo đảm tranh tụng giữa KSV với những người tham gia tố tụng khác, tranh tụng là trọng tâm của hoạt động xét xử. Các bên tranh tụng bình đẳng với nhau về quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ, yêu cầu; đưa ra các luận điểm, luận cứ và luận chứng của mình; bình đẳng trong đối đáp, tranh luận, chứng minh, bác bỏ quan điểm lẫn nhau. Do đó quyền bình đẳng giữa bên bào chữa và bên buộc tội được hiểu là bình đẳng trên phương diện tố tụng khi tham gia phiên tòa, đều được pháp luật quy định để thực hiện các chức năng của mình.

*Thứ ba:* Tại phiên tòa HĐXX phải có phương pháp điều hành hợp lý, tạo điều kiện cho bên buộc tội và bào chữa là Luật sư tranh luận không hạn chế về mặt thời gian, tránh việc thiên vị đối với bất cứ bên nào. Tạo cơ sở cho các bên tranh luận đưa ra các chứng cứ buộc tội, gỡ tội. KSV và người tham gia tranh tụng phải tranh tụng với tinh thần trách nhiệm, trên cơ sở chứng cứ khách quan và qui định của pháp luật; với tinh thần tôn trọng lẫn nhau, có văn hoá ứng xử, tránh việc tranh luận chung chung không đi sâu vào nội dung vụ án. KSV phải trả lời trực tiếp, không được né tránh nhằm đảm bảo tính minh bạch trong tranh luận. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện, thực thi



các qui định của pháp luật theo qui định của BLTTHS để các bên tham gia tranh tụng.

*Thứ tư:* Bản án và quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các luận điểm, luận cứ và luận chứng của các bên tranh tụng. Tại phiên tòa kết quả có thể khác với toàn bộ hoặc một số tình tiết cụ thể trong kết luận điều tra, trong bản cáo trạng đã truy tố. Vì hoạt động xét xử được coi là khâu quan trọng nhất trong toàn bộ quá trình tố tụng và là hoạt động đặc trưng cho toàn bộ hoạt động của Tòa án. Quá trình xét xử phiên tòa hình sự được tổ chức và thực hiện một cách chặt chẽ theo một trình tự, thủ tục nghiêm ngặt. Phần tranh luận tại phiên tòa thường thu hút sự chú ý đặc biệt của công chúng và quan tâm nhiều đến vấn đề các cơ quan và người tham gia, người tiến hành tố tụng thực hiện pháp luật như thế nào, để đảm bảo tính công khai của Bản án trong qua trình tranh tụng, tránh việc ghi ngờ, chê trách nếu bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm bị cấp phúc thẩm cải, sửa hoặc hủy án. Qua đó chứng tỏ tranh tụng của cấp có án bị hủy là thực hiện tranh tụng chưa được tốt theo yêu cầu đổi mới về cải cách tư pháp.

### ***1.1.3 . Ý nghĩa của việc tranh tụng***

Phiên tòa hình sự có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng, tòa án (với tư cách là cơ quan tiến hành tố tụng quan trọng nhất) tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật [13].

Pháp luật tố tụng hình sự quy định cho Kiểm sát viên có quyền đưa ra chứng cứ buộc tội và người bào chữa đưa ra chứng cứ gỡ tội tranh luận với kiểm sát viên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo tại phiên tòa.

Vậy có thể hiểu rằng, tranh tụng bao giờ cũng gắn liền với hoạt động tài phán của Tòa án. Đảm bảo tốt hoạt động tranh tụng và thông qua hoạt động tranh tụng của luật sư và kiểm sát viên tại phiên tòa, sẽ tạo cơ sở cho Tòa án (Hội đồng xét xử) đánh giá kết quả của những hoạt động tố tụng trước đó, đồng thời giúp cho việc xét xử được chính xác. Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa còn có ý nghĩa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác, đảm bảo việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài ra tranh tụng tại phiên tòa HSST còn có ý nghĩa tuyên truyền giáo dục pháp luật một cách sâu rộng đối với quần chúng nhân dân đến tham dự phiên tòa. Xét về mặt lý luận cũng như thực tiễn xét xử, tranh tụng tại phiên tòa là giai đoạn mà những người tham gia tranh tụng tìm mọi cách để thuyết phục, thu hút sự đồng tình ủng hộ của quần chúng nhân dân đối với quan điểm, ý kiến, lập luận của mình đưa ra. Các ý kiến, lập luận đưa ra nhằm làm sáng tỏ nội dung vụ án, các quy định của pháp luật liên quan, qua đó mỗi người dân tham dự phiên tòa tự nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của mình. Thực tiễn đối với những vụ án xác định là án trọng điểm, phức tạp được Tòa án nhân dân xét xử lưu động tại các địa phương, có sự tranh tụng giữa các bên đã đạt được mục đích nhằm tuyên truyền và giáo dục ý thức pháp luật của đông đảo quần chúng nhân dân. Đây là một hình thức tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật thiết thực và hiệu quả nhất trong đời sống xã hội hiện nay.

## **1.2. Tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm**

### **1.2.1 Cơ sở pháp lý bảo đảm hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm**

#### ***1.2.1.1. Quy định của Hiến pháp sửa đổi năm 2013***

Điều 14 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự,

kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Xác định tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, Điều 103 khoản 5 của Hiến pháp 2013 và Điều 13 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử...”. Từ những quy định của Hiến pháp và pháp luật cho thấy, vấn đề tranh tụng nhằm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được hết sức coi trọng. Đây là một trong những đổi mới lần đầu tiên Hiến pháp ghi nhận nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử. Việc hiến định nguyên tắc tranh tụng mang nhiều ý nghĩa như:

*Thứ nhất*, quy định nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp.

Hoạt động tư pháp được Đảng và Nhà nước ta chú trọng ngay trong những năm đầu mới giành được chính quyền. Phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xuất phát từ quan điểm của Đảng ta về chiến lược cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 37/NQ-QH13 ngày 23/11/2012. Pháp luật tố tụng hiện hành cũng có nhiều quy định chứa đựng nội dung của nguyên tắc tranh tụng như quy định nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, các quy định về tranh

luận tại phiên tòa. Cụ thể: Khoản 2 Điều 326 BLTTHS năm 2015 quy định: “*việc nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác*”.

Mặc dù vậy, các quy định trên còn thiếu tính cụ thể, nhất là chưa có văn bản pháp lý nào chính thức ghi nhận nguyên tắc bảo đảm và cơ chế bảo đảm tranh tụng nên thực tiễn hoạt động chưa phát huy hiệu quả. Do vậy, việc Hiến pháp quy định cụ thể, rõ ràng nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử là một bước tiến lớn và rất phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta [19].

*Thứ hai*, quy định nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong Hiến pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn trong việc xét xử.

Những quy định pháp luật tố tụng hình sự hiện hành đã và đang phát huy hiệu lực trên thực tiễn của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Công tác điều tra, truy tố, xét xử ngày càng hiệu quả, việc tranh luận tại phiên tòa bảo đảm tính dân chủ, khách quan. Tuy nhiên so với tình hình đặt ra thì hoạt động tranh tụng chưa đáp ứng yêu cầu. Có phiên tòa chưa thực sự bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, số lượng án sửa, hủy còn nhiều. Về mặt nhận thức vẫn tồn tại quan niệm “*án bỏ túi*”, “*án tại hồ sơ*” dẫn đến tâm lý xem nhẹ hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên nhân của tình hình trên có nhiều, trong đó có nguyên nhân từ những quy định của pháp luật về tranh tụng và bảo đảm tranh tụng chưa rõ ràng, cụ thể hiệu lực chưa cao [19].

Hiến pháp sửa đổi năm 2013 quy định chính thức về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng như vậy sẽ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ tư pháp, của công dân trong quá trình thực hiện các quyền năng khi tham gia tranh tụng. Đồng thời thực tiễn xét xử sẽ thay đổi, với bước tiến mới trọng

tâm là hoạt động tranh tụng được bảo đảm, phát huy tối đa tính công bằng, dân chủ.

*Thứ ba*, việc quy định nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp là tiền đề để xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo đảm tranh tụng trong các văn bản pháp luật tố tụng.

Hiến pháp là đạo luật gốc, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất. Do vậy, khi Hiến pháp quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng như vậy thì những quy định trong bộ luật, luật, các văn bản dưới luật chưa rõ ràng, không thống nhất phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong việc vận dụng pháp luật, đặc biệt đòi hỏi cần xây dựng quy định cụ thể về phương thức bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử.

#### ***1.2.1.2 Những quy định của Bộ luật TTHS 2015***

Nghiên cứu Bộ luật TTHS 2015 thì thấy, tuy nguyên tắc tranh tụng chưa được ghi nhận là một nguyên tắc cơ bản trong TTHS Việt Nam, nhưng nó đã được thể hiện ở một số điều luật quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 (đến nay là Bộ luật TTHS 2015). Đó là cơ sở pháp lý cho hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự.

#### ***\*Những nguyên tắc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa***

Tranh tụng tại phiên tòa là một trong những nội dung có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, là vấn đề có tính thời sự được xã hội quan tâm. Tranh tụng tại phiên tòa hình sự không chỉ là yêu cầu của việc bảo đảm tính dân chủ, công bằng giữa những người tham gia tố tụng với Viện kiểm sát, mà kết quả tranh tụng tại phiên tòa là căn cứ để Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự xác định sự thật vụ án.

Hiện nay, pháp luật TTHS Việt Nam ghi nhận các nguyên tắc tranh tụng đó là.

- Nguyên tắc “*Suy đoán vô tội*” [6, Điều 13]. Để phù hợp với quy định của Hiến pháp 2013 về bảo đảm quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội trên cơ sở Điều 9 BLTTHS 2003, BLTTHS 2015 đã chỉ rõ “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kết luận người bị buộc tội không có tội*”. Nguyên tắc này đòi hỏi và yêu cầu bên buộc tội phải tham gia tranh tụng nhằm đưa ra lý lẽ, chứng cứ để chứng minh sự buộc tội của mình là có căn cứ và nguyên tắc này cũng xác định vai trò “*trọng tài*” của Tòa án, khẳng định chỉ có Tòa án mới có quyền đưa ra phán quyết bằng bản án xác định có tội hay không có tội và áp dụng hình phạt thích hợp.

- Nguyên tắc: “*Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự*” [6, Điều 16]. Thực hiện nguyên tắc này cũng chính là bảo đảm cho việc thực hiện chức năng bào chữa; đối trọng với chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự. Hai chức năng này không chỉ tồn tại song song mà nó còn đối lập và chế ước nhau tạo ra một cơ chế tranh tụng có hiệu quả nhất trong hoạt động tố tụng nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

- Nguyên tắc: “*Xét xử công khai*” [6, Điều 25]. Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai chính là một đảm bảo cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được đảm bảo thực hiện. Đại diện Viện kiểm sát trước sự chứng kiến của công chúng, KSV sẽ thực hiện tốt hơn trọng trách của mình trong việc bảo vệ cáo trạng truy tố. Tại phiên tòa cuộc tranh luận chính thức và công khai thể hiện chức năng buộc tội và gỡ tội được thực hiện một cách tích cực và quyết liệt để bảo vệ quan điểm của mình.

- Nguyên tắc: “*Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án*” [6, Điều 26]. Trong mọi vụ án hình sự, sự thật khách quan của vụ án có thể được xác định khách quan, toàn diện và đầy đủ khi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân coi trọng mọi loại nguồn chứng cứ, lập luận về các tình tiết của vụ án, dẫn chiếu các quy định pháp luật. Vì vậy, nguyên tắc này chính là cơ sở pháp lý để các bên buộc tội và gỡ tội tranh tụng bình đẳng, dân chủ tại tòa. Đồng thời, buộc Hội đồng xét xử phải tôn trọng, tạo điều kiện để các bên thực hiện quyền bình đẳng trước Tòa án.

- Nguyên tắc: “*Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia*” ([6, Điều 22]; “*Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” [6, Điều 23]. Sự độc lập của Thẩm phán là điều kiện cơ bản để bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người dân. Nguyên tắc này là căn cứ để Thẩm phán, hội thẩm thực hiện quyền tự do xét xử theo quy định pháp luật. Nghiêm cấm mọi sự can thiệp bên ngoài vào công việc xét xử.

#### **\* Về các chủ thể thực hiện tranh tụng**

Để thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, các chủ thể thuộc bên buộc tội và bên bào chữa tiếp tục được Bộ luật TTHS 2015 quy định những quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định.

- Đối với các chủ thể thuộc bên gỡ tội, bao gồm: người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; người bị bắt; bị can; bị cáo; người bào chữa. Điều 61 BLTTHS 2015 quy định bị cáo có các quyền: được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; quyền được tham gia phiên tòa; được giải thích về quyền và nghĩa vụ... Đặc biệt, quyền “*trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa*” của bị cáo được nhấn mạnh tại điểm i, khoản 2, Điều 61 của bộ luật. Điều 72 BLTTHS năm

2015 quy định người bào chữa có quyền tham gia tố tụng ngay từ khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ.

Như vậy là BLTTHS 2015 quy định bổ sung quyền và quy định rõ hơn nghĩa vụ của người bị buộc tội, người bào chữa cho người bị buộc tội (các điều 58, 59, 60, 61 và 72) nhằm bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện tốt quyền bào chữa và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Các quyền và nghĩa vụ của bị đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quy định tại Điều 53 BLTTHS 2003. Nay Bộ luật TTHS 2015 bổ sung quyền và quy định rõ hơn nghĩa vụ của bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Điều 64 và 65) cụ thể như: Đưa ra chứng cứ, trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan, yêu cầu giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật, được thông báo kết quả giải quyết vụ án, đề nghị chủ tọa hỏi những người tham gia phiên tòa; tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và một số quyền khác. Đồng thời, quy định rõ hơn nghĩa vụ của những chủ thể này phải chấp hành các quyết định tố tụng.

- Đối với các chủ thể của chức năng buộc tội tại phiên tòa như VKS (KSV), người bị hại, nguyên đơn dân sự, BLTTHS cũng quy định những quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể.

Theo Điều 20 Bộ luật TTHS 2015 quy định: Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng tội, đúng pháp luật. Giải thích và bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ Điều 62 Bộ luật TTHS 2003, nay Điều 71 Bộ luật TTHS 2015; việc thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ quy định các Điều 65 và 66 Bộ luật TTHS 2003 (nay Điều 88 và



Điều 108 Bộ luật TTHS 2015) mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự.

Điều 37 BLTTHS 2003 quy định hoạt động của KSV tại phiên tòa: “*đọc cáo trạng, quyết định của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án, hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa*”. Nay Điều 42 Bộ luật TTHS 2015 quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của KSV tại phiên tòa *công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, các quyết định khác của Viện kiểm sát về việc buộc tội đối với bị cáo, xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp*. Song hành với quyền công tố, KSV tham gia phiên tòa còn có quyền “*kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án*”.

Ngoài ra, người bị hại, nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng thực hiện chức năng buộc tội ở một mức độ nhất định. Để các chủ thể này có thể thực hiện chức năng của mình trong tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ hơn nghĩa vụ và trách nhiệm của người bị hại trong việc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tố tụng trong việc phát hiện, xử lý tội phạm. Điều 62, Điều 63 BLTTHS 2015 quy định như: Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan, đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá, người dịch thuật; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và một số quyền khác...

#### **\* Về trình tự, thủ tục tranh tụng**

Trong tố tụng hình sự, hoạt động tranh tụng được thể hiện rõ nét trong phiên tòa sơ thẩm. Phần lớn các quan điểm khoa học hiện nay đều xác định

hoạt động tranh tụng được bắt đầu ngay từ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Tại phần thủ tục sau khi kiểm tra căn cước của bị cáo, công bố thành phần những người tham gia tố tụng, giải thích quyền nghĩa vụ của bị cáo, theo quy định tại Điều 305 Bộ luật TTHS 2015 thì *“Chủ tọa phiên tòa phải hỏi KSV và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa xem có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt hoặc tuy có mặt tại phiên tòa nhưng vì lý do sức khỏe không thể tham gia tố tụng thì chủ tọa phiên tòa phải hỏi xem có ai yêu cầu hoãn phiên tòa hay không; Nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét, quyết định”*.

Thủ tục xét hỏi được quy định tại Chương XX của Bộ luật TTHS 2003 gồm 11 Điều. Nay thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được quy định tại mục V Bộ luật TTHS 2015 gồm 20 Điều. Khoản 2 Điều 307 BLTTHS 2015 quy định: *“Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự thực hiện việc hỏi.*

*Người tham gia phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.*

*Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản”*.

Thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm được BLTTHS 2015 quy định từ Điều 306 đến Điều 325. Đây là giai đoạn trung tâm của quá trình tranh tụng. Bởi vì, trong phần này các bên buộc tội và gỡ tội, trước sự chứng kiến của HĐXX, công khai thực hiện chức năng của mình bằng việc đưa ra các lý lẽ và lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

Mở đầu phần tranh luận, sau khi KSV trình bày lời luận tội theo quy định tại Điều 321 BLTTHS 2015 quy định: *“Luận tội của KSV phải căn cứ vào những tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo,*

*người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa*”. Như vậy, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, KSV sẽ trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bị cáo vô tội. Đề luận tội của mình bảo đảm đúng đắn, chính xác và có sức thuyết phục, KSV phải tổng hợp, phân tích, đánh giá một cách logic các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại tòa, xác định bốn yếu tố của cấu thành tội phạm, xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án cũng như tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để việc đề xuất mức án cho tội danh của bị cáo được chính xác.

Tiếp theo lời buộc tội của vị đại diện VKS là những lập luận của bên bào chữa để gỡ tội. Hội đồng xét xử cho bị cáo trình bày lời bào chữa và tập trung vào lập luận truy tố của KSV đã đúng người, đúng tội, đúng pháp luật chưa? Nếu chưa thì ý kiến của người bào chữa là gì? Người bào chữa cho bị cáo còn phải xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Người bào chữa của bị cáo có quyền kiến nghị với HĐXX những đặc điểm về nhân thân hoặc những tình tiết khác có lợi cho bên mình để làm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 46 BLHS 1999, nay (Điều 51 BLHS 2015). Tiếp đó, bị cáo có quyền bổ sung cho lời bào chữa của người bào chữa. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền lợi cho họ được trình bày ý kiến của họ về cách giải quyết vụ án.

Việc đối đáp giữa những người tham gia tranh luận được quy định tại Điều 218 BLTTHS năm 2003 (nay Điều 322 Bộ luật TTHS 2015) có nội dung: “*Bị cáo, người người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV về những*

*chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án...*

*Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận... Chủ tọa phiên tòa yêu cầu KSV phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận". Quy định mới này đã xác định rất rõ trách nhiệm đối đáp lại, tranh luận lại với bên bào chữa của KSV tại phiên tòa. Điều này phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng: "kết quả tranh tụng" chính là cơ sở để HĐXX ra phán quyết. Việc quy định trách nhiệm đối đáp của KSV chính là nhằm nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa.*

Điều 220 BLTTHS năm 2003 (nay Điều 324 BLTTHS 2015) quy định: *"Sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận. Bị cáo được nói lời sau cùng..."*. Quyền được nói lời sau cùng trước khi nghị án là một trong những bảo đảm pháp lý quan trọng để bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình, là quyền đặc thù mà pháp luật chỉ giành riêng cho bị cáo.

Tại phần nghị án và tuyên án, Điều 222 BLTTHS năm 2003 (nay Điều 326 BLTTHS 2015) đã chỉ rõ: *"việc nghị án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác"*. Hay nói cách khác, phán quyết của HĐXX phải dựa trên kết quả tranh luận bình đẳng giữa KSV, bị cáo với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Từ những phân tích nội dung một số quy định của BLTTHS năm 2015 thấy rằng TTHS nước ta là tố tụng thẩm vấn nhưng đã đan xen các yếu tố tranh tụng trong quá trình tố tụng, nổi bật là tranh tụng tại phiên tòa. Mặc dù

vậy, tranh tụng vẫn chưa được quy định là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam.

### ***1.2.2 Cơ sở lý luận về hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm***

Kiểm sát viên là một trong những chủ thể chính của tranh tụng. Tranh tụng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của KSV. Tranh tụng của KSV mục đích nhằm bảo vệ tính đúng đắn, khách quan, tính hợp pháp và có căn cứ của quan điểm truy tố (thể hiện trong bản cáo trạng). Nói cách khác, xuất phát điểm của tranh tụng của KSV với những người tham gia tố tụng khác là nhằm bảo vệ tính có căn cứ, hợp pháp của quan điểm truy tố. Tranh tụng của KSV suy cho cùng là nhằm bảo vệ sự thật khách quan của vụ án (chân lý về vụ án). Khi tranh tụng, KSV xuất phát điểm là nhằm bảo vệ quan điểm truy tố, do vậy các luận điểm, luận cứ và luận chứng là nhằm thực hiện mục đích này. Tuy nhiên thông qua tranh tụng, KSV có thể phát hiện ra những nội dung bất hợp lý, thiếu căn cứ hoặc không phù hợp pháp luật của quan điểm truy tố. Nếu đủ cơ sở, KSV sẽ xử lý các tình huống phát sinh nói trên theo qui định của pháp luật TTHS; cụ thể như : Có thể đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung; rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; chuyển tội danh nhẹ hơn hoặc thay đổi khung khoản truy tố phù hợp với thẩm quyền xét xử của HĐXX.

Để đảm bảo tranh tụng có chất lượng tốt thì KSV phải đáp ứng được các điều kiện bắt buộc để tranh tụng, phải thực hiện tốt nhiều hoạt động mang tính chất chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa, hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm được thực hiện trong các giai đoạn như sau:

#### ***- Thủ tục phiên tòa***

Thủ tục bắt đầu phiên tòa sẽ được tiến hành như phần khai mạc phiên tòa. Khi bắt đầu phiên tòa thủ tục sẽ được tiến hành như sau: Chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người được triệu tập đã có mặt, chủ tọa phiên tòa kiểm tra căn cước của

những người đó và giải thích cho họ biết quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa. KSV có trách nhiệm làm rõ những điểm mới phát sinh khác với Cáo trạng của VKS đã truy tố như họ tên, nhân thân người phạm tội. Sau khi kết thúc phần thủ tục, nếu thấy cần triệu tập thêm người làm chứng hoặc đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét tại phiên tòa thì KSV đề nghị HĐXX xem xét, quyết định. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt mà người đó ảnh hưởng đến quá trình xét xử, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để hoãn phiên tòa. Việc KSV thực hành quyền công tố tại phiên tòa kịp thời đưa ra yêu cầu cần triệu tập người làm chứng hoặc đưa ra vật chứng, tài liệu mới để HĐXX xem xét đó chính là những căn cứ để bảo đảm cho việc xét hỏi và là cơ sở tranh luận ở phần tiếp theo của phiên tòa. Vì vậy, xác định hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa được bắt đầu ngay ở phần thủ tục.

#### *- Phần xét hỏi*

Trong một phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự, quá trình thẩm vấn, xét hỏi là giai đoạn trung tâm của hoạt động xét xử và cũng là giai đoạn quan trọng nhất để xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, để xác định sự thật khách quan của vụ án, việc chứng minh tính đúng đắn và có căn cứ của một chuỗi các quyết định tố tụng đi đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, quá trình xét hỏi tại phiên tòa, mọi chứng cứ, tài liệu liên quan đến nội dung vụ án đều phải được xem xét, thẩm tra công khai; những mâu thuẫn giữa các lời khai, giữa lời khai với vật chứng... phải được làm sáng tỏ để khẳng định và chứng minh bản chất của vụ án. Việc hỏi và trả lời được diễn ra công khai nhằm đánh giá những kết quả điều tra của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát (VKS) ghi nhận và khẳng định trong Cáo trạng truy tố đối với các bị can. Ngoài việc xét hỏi KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự còn xem xét vật chứng, xem xét hiện trường xảy ra vụ án và những nơi khác, công bố các tài liệu... Để tham gia xét hỏi tại phiên tòa đạt hiệu quả; trước khi tham gia

phiên tòa, Kiểm sát viên phải dự thảo đề cương tham gia xét hỏi và những nội dung cần làm sáng tỏ, dự kiến các tình huống khác có thể phát sinh tại phiên tòa để tham gia xét hỏi nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến việc định tội và đề xuất hình phạt.

Trong quá trình diễn biến tại phiên tòa, để có thể chủ động tham gia xét hỏi, bên cạnh việc nắm chắc hồ sơ, nội dung vụ án, KSV phải theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung, diễn biến quá trình xét hỏi của HĐXX, của người bào chữa và ý kiến trả lời của người được xét hỏi để tránh đưa ra những câu hỏi trùng lặp. Kiểm sát viên phải chú ý khai thác các mâu thuẫn phát sinh để phân tích các mâu thuẫn và đi đến bác bỏ những lời chối tội không có cơ sở; dự kiến nội dung và chuẩn bị các câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề mà người bào chữa quan tâm.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa phải tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Qua thẩm vấn, xét hỏi công khai tại phiên tòa có thể phát sinh những tình tiết, chứng cứ khác với những tình tiết, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra hoặc có những tình tiết, chứng cứ mới mà hồ sơ vụ án chưa có. Tại phiên tòa, khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới, KSV cùng HĐXX cần phải kiểm tra về nguồn gốc xuất xứ, về tính hợp pháp và tính có căn cứ của tài liệu sau đó mới phân tích nội dung tài liệu để HĐXX có căn cứ đánh giá, quyết định tuyên án hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung vụ án.

#### *- Tranh luận*

Tranh luận có vai trò quan trọng trong việc xác định hành vi phạm tội của bị cáo, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; là một trong những giai đoạn quan trọng có ý nghĩa quyết định để Hội đồng xét xử thảo luận khi nghị án. Đây cũng là giai đoạn được những người tham dự phiên tòa quan tâm nhất, bởi nó chứa đựng sự căng thẳng, mâu thuẫn, có thể tới mức xung đột quyết liệt giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, có thể phát sinh những

kịch tính đầy bất ngờ làm thay đổi diễn biến của vụ án; thậm chí có thể làm thay đổi cả tình thế đối với bị cáo.

Về yêu cầu đối với Kiểm sát viên khi tranh luận, trước hết phải khẳng định tranh luận là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được BLTTHS quy định mà KSV thực hành quyền công tố nhà nước phải thực hiện tại phiên tòa. Mục đích chủ yếu của tranh luận là nhằm làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án, bảo vệ tính có căn cứ và tính hợp pháp của các quan điểm mà VKS đưa ra làm căn cứ truy tố các bị cáo trong cáo trạng. Để bảo đảm việc tranh luận có hiệu quả, KSV phải nắm chắc hồ sơ vụ án và những căn cứ pháp lý, những tài liệu khẳng định sự thật khách quan để đối đáp lại những quan điểm, những vấn đề mà bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đưa ra tại phiên tòa. Thường đó là những vấn đề về đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thiệt hại do tội phạm gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, những điểm mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Kiểm sát viên phải chuẩn bị những lý lẽ để đối đáp, bác bỏ các quan điểm sai trái, không đúng của bị cáo, Luật sư hoặc người tham gia tố tụng khác trên cơ sở viện dẫn những tài liệu làm chứng cứ để chứng minh, những căn cứ pháp lý để khẳng định và bảo vệ quan điểm trong cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo.

Trọng tâm của phần tranh luận chính là những nội dung đối đáp của KSV đối với những lời tự bào chữa của bị cáo, của Luật sư hoặc người bào chữa, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Mỗi KSV làm tốt việc tranh luận tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là trực tiếp nâng cao vị thế của chính KSV đó tại phiên tòa và cũng chính là góp phần nâng cao vị thế, vai trò của ngành Kiểm sát nhân dân trong hoạt động xét xử nói riêng và trong tố tụng hình sự nói chung. Trong mọi tình huống, KSV luôn phải giữ thái độ



bình tĩnh, xử sự đúng mực với bị cáo, tôn trọng Luật sư hoặc người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

### ***1.2.3 Các tiêu chí để đánh giá chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm***

Các tiêu chí cơ bản để đánh giá chất lượng tranh tụng của KSV bao gồm:

+ Về thủ tục và cách thức tranh tụng phải nghiêm minh, dân chủ, công bằng, có văn hoá, đúng qui định của pháp luật. Các bên tham gia tranh tụng với tinh thần trách nhiệm, có căn cứ, đúng pháp luật, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của nhau (nếu đạt được các tiêu chí này thì đánh giá chất lượng tranh tụng tốt và ngược lại);

+ Quan điểm (luyện điểm), luận cứ và luận chứng của KSV được HĐXX chấp nhận với tỷ lệ cao (chất lượng tốt) và ngược lại;

+ Chất lượng giải quyết vụ án hình sự tốt, không oan, hạn chế sai. Chất lượng giải quyết vụ án hình sự thể hiện qua các tiêu chí như: Không có bị cáo bị truy tố, xét xử oan; hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp bị cáo bị truy tố, xét xử sai; tỷ lệ án sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ thấp. Tuy nhiên riêng với tiêu chí án huỷ này cần đánh giá theo hai góc độ: Tỷ lệ án sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ án là tiêu chí đánh giá chất lượng tranh tụng của KSV ở phiên tòa sơ thẩm là kém chất lượng, bởi lẽ qua tranh tụng nhưng Kiểm sát viên cấp sơ thẩm không phát hiện ra các vi phạm trong việc truy tố của VKS để khắc phục; nhưng đồng thời đây lại là tiêu chí đánh giá tranh tụng của KSV ở cấp phúc thẩm có chất lượng tốt, bởi lẽ qua tranh tụng, KSV cấp phúc thẩm đã phát hiện ra vi phạm của VKS, Tòa án cấp sơ thẩm nên đã đề nghị và được Tòa án cấp phúc thẩm huỷ án để cấp sơ thẩm khắc phục vi phạm.

+ KSV thực hiện tốt các hoạt động nghiệp vụ cho tranh tụng tại phiên tòa (nghiên cứu hồ sơ vụ án, xây dựng hồ sơ kiểm sát, chuẩn bị bản luận tội

và bài phát biểu quan điểm, xây dựng đề cương xét hỏi...Việc chuẩn bị tốt các công việc nói trên không những để thực hiện đúng, đầy đủ qui định của Viện trưởng VKSNDTC trong các qui chế nghiệp vụ, qua đó góp phần bảo đảm chất lượng tranh tụng của KSV [40].

### **Kết luận chương 1**

Như vậy, các vấn đề lý luận cơ bản về tranh tụng trong TTHS như đặc điểm, khái niệm tranh tụng đã được phân tích, làm rõ. Qua đó giúp ta hiểu rõ hơn, sâu sắc hơn về tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Điều đó không chỉ có nghĩa về mặt lý luận, giúp nhận thức thống nhất về tranh tụng của KSV và người tham gia tố tụng khác, tranh tụng tại phiên tòa hình sự vừa là quyền và nghĩa vụ của mỗi KSV. Việc phân tích một số quy định của BLTTHS 2015 liên quan đến hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa quy định mang tính nguyên tắc bảo đảm tranh tụng của các chủ thể thực hiện tranh tụng theo trình tự, thủ tục... qua đó thấy rằng TTHS ta là tố tụng thẩm vấn nhưng có đan xen các yếu tố tranh tụng, và nổi bật nhất là tranh tụng tại phiên tòa. Cụ thể, cụm từ “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” chỉ xác định, chú trọng hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Trong khi đó, thực tiễn hoạt động tranh tụng không phải đợi cho đến khi xét xử mới xuất hiện. Nhiều vụ án, hoạt động tranh tụng giữa bị can, bị cáo, bên gỡ tội với bên buộc tội xuất hiện ngay khi khởi tố, điều tra, truy tố. Ở giai đoạn này, bên gỡ tội đã có thể đưa ra quan điểm, luận cứ gỡ tội tới CQĐT, VKS và ngược lại, CQĐT, VKS có thể phản bác nhưng cũng không ít vụ, các cơ quan này đã chấp nhận quan điểm của bên gỡ tội và đình chỉ điều tra bị can, đình chỉ giải quyết vụ án. Và BLTTHS hiện hành đã quy định tranh tụng là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

#### **2.1. Khái quát đặc điểm về tự nhiên, kinh tế - xã hội ở tỉnh Thái Nguyên**

##### **2.1.1. Đặc điểm tự nhiên**

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, thuộc vùng trung du miền núi Đông Bắc. Diện tích tự nhiên 3.533,19 km<sup>2</sup>; nằm trong hệ tọa độ địa lý từ 21°19' đến 22°03' vĩ độ Bắc và 105°29' đến 106°15' kinh độ Đông.

Thái Nguyên có vị trí địa lý quan trọng, là miền đất nối liền khu Việt Bắc với đồng bằng Bắc Bộ, là cửa ngõ bảo vệ Kinh đô Thăng Long, Đông Đô xưa và thủ đô Hà Nội ngày nay. Thái Nguyên phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn; phía Đông giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang; phía Nam giáp với thủ đô Hà Nội, phía Tây giáp các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang. Là mảnh đất có tài nguyên thiên nhiên phong phú, giao thông thuận lợi. Hệ thống giao thông nối liền các tỉnh vùng Đông Bắc, Tây Bắc đi qua; Quốc lộ số 3 nối Thái Nguyên với Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng, với các tỉnh khác trong cả nước. Thái Nguyên cách sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 40km.

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên có 09 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 06 huyện: Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa ; 01 TX Phổ Yên và 02 TP, thành phố Thái Nguyên và Thành phố Sông Công với 180 đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Diện tích miền núi chiếm 71,18%. Dân số 1.155.991 người, mật độ dân số: 327 người/km<sup>2</sup>, là tỉnh có mật độ dân số lớn nhất trong các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. [7, tr.153-164].

### **2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội**

Thái Nguyên là tỉnh được xác định là trung tâm văn hóa - chính trị, kinh tế - xã hội của vùng trung du, miền núi Đông Bắc. Tại đây, có nhiều cơ sở kinh tế, văn hóa, quốc phòng có tầm chiến lược của đất nước: Khu công nghiệp Gang Thép, Khu công nghiệp Sông Công, Khu công nghiệp Samsung thị xã Phổ Yên và trên 30 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, Bộ Tư lệnh Quân khu I; nằm kề phía bắc thủ đô Hà Nội... Thái Nguyên với nhiều điều kiện thuận lợi, tiềm năng, lợi thế lớn trong sự nghiệp phát triển KT - XH cả hiện tại và trong tương lai. Về cơ cấu kinh tế năm 2015, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 49,4%; khu vực dịch vụ chiếm 34%. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) 2015 bình quân đầu người năm 2015 ước đạt 56,4 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 9 triệu đồng/người /năm so với năm 2014 và vượt kế hoạch đề ra. [33].

Xuất phát từ những đặc điểm đặc trưng của nền kinh tế thị trường nước ta, những thành quả kinh tế quan trọng đã đạt được, nền kinh tế thị trường phát triển nhanh chóng, bên cạnh việc tạo ra bộ mặt mới cho tỉnh Thái Nguyên cũng phát sinh nhiều tiêu cực. Trước hết phải kể đến ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường với sự tăng trưởng kinh tế, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế, sự du nhập lối sống phương Tây đã tác động làm thay đổi nhiều quan niệm, đạo đức truyền thống tốt đẹp, hình thành tâm lý tham lam, háms lợi muốn làm giàu bằng mọi cách, kể cả bằng các việc làm phi pháp trong một số bộ phận dân cư. Nền kinh tế thị trường giải phóng mọi năng lực sản xuất, tạo điều kiện cho con người làm giàu chính đáng. Một lớp người nhanh nhạy, nắm bắt được cơ hội đã làm giàu lên nhanh chóng, có cuộc sống ổn định đàng hoàng. Bên cạnh đó có một số bộ phận khác thềm muốn cuộc sống giàu sang nhưng lại không chịu làm ăn chính đáng, lười lao động chỉ muốn nhanh chóng

và tìm bằng mọi cách có tiền để phục vụ cuộc sống cá nhân ăn chơi trác táng, sẵn sàng làm những việc bất chính để kiếm tiền như Trộm cắp, lừa đảo, thậm chí buôn lậu, buôn bán hàng giả, giết người, cướp tài sản, buôn bán ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em... Chính điều này làm cho một số nhóm tội phạm gia tăng, đặc biệt là các tội xâm phạm sở hữu. Quá trình nạn nhân hóa chịu tác động rất lớn bởi các yếu tố tâm lí, nhất là các phẩm chất tâm lí lệch lạc của con người [26, tr.45].

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đem lại sự thay đổi nhanh chóng trong đời sống kinh tế tỉnh Thái Nguyên. Một bộ phận dân cư được hưởng lợi từ các chính sách của nền kinh tế như chính sách của nền kinh tế như chính sách đền bù ruộng đất, từ việc mở đường, xây cầu, xây dựng các công trình công cộng, mở rộng đô thị ...Nhiều người trong số họ đã phát sinh tâm lí ăn chơi hưởng thụ, hình thành thói quen tiêu xài, thậm chí lao vào các tệ nạn xã hội cờ bạc, ma túy. Sau khi tiêu hết số tiền được đền bù, số người này rất dễ gia nhập, bổ sung vào đội ngũ người phạm tội.

Nền kinh tế thị trường nước ta nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng còn chưa có nền tảng vững chắc nên chưa tạo được nhiều việc làm cho người lao động. Thiếu việc làm dẫn đến thiếu thốn về nền kinh tế và từ đó dẫn đến việc phát sinh tội phạm. Mặc dù nền kinh tế thị trường mới trong giai đoạn hình thành và phát triển nhưng chúng ta đã xây dựng nền kinh tế theo khuôn mẫu hiện đại của các nước kinh tế thị trường ở giai đoạn cao. Điều này tạo ra nhiều thuận lợi cũng như phát sinh không ít khó khăn khi mà trình độ quản lí nền kinh tế còn quá thấp, chưa tương xứng với tính chất của nền kinh tế. Sự không phù hợp này đã tạo ra nhiều bất cập và trong nhiều trường hợp làm phát sinh tội phạm. Bộ máy quản lí công kênh, chồng chéo, thủ tục rườm rà, hoạt động thiếu hiệu quả, buông lỏng hoạt động kiểm tra giám sát, văn hóa công sở nặng nề tư tưởng quan liêu, hách dịch làm cho chúng ta khó nắm bắt,

khó quản lí tốt nền kinh tế - xã hội. Đây là nguyên nhân làm cho các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, nhóm tội phạm sở hữu, tội xâm phạm trật tự quản lí kinh tế gia tăng [26, tr.46].

Sự bất cập của nền kinh tế còn được thể hiện trong sự thiếu hoàn thiện của hệ thống chính sách và pháp luật. Các chính sách quản lí thuế, tài chính, tiền tệ, tài sản còn nhiều sơ hở, các quan hệ sở hữu và phân phối còn chưa hoàn toàn thoát khỏi những dấu ấn của thời bao cấp là nguyên nhân thuận lợi cho nhóm tội phạm về tham nhũng, nhóm tội phạm về sở hữu gia tăng. Chính sách thu hồi đất nông nghiệp chưa đồng bộ với chính sách tạo việc làm, đào tạo nghề làm cho một bộ phận nông dân rơi vào tình trạng thất nghiệp. Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ và hoàn thiện đảm bảo cho sự vận hành của nền kinh tế thị trường vì vậy vẫn còn nhiều kẽ hở để người phạm tội lợi dụng thực hiện các hành vi phạm tội.

Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự xuất hiện nhiều khu công nghiệp trong tỉnh như khu công nghiệp ở thành phố Sông Công, khu công nghiệp Samsung thị xã Phổ Yên và trên 30 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Quá trình hội nhập phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng dẫn tới sự gia tăng nhanh chóng về dân số, đặc biệt là về dân số cơ học. Mật độ dân cư đông, nhất là dân nhập cư từ các tỉnh đến Thái Nguyên học tập, lao động, cùng với đó kéo theo các hành vi thiếu văn hóa của nhiều người tham gia giao thông diễn ra phổ biến dẫn đến vi phạm và các tệ nạn xã hội khác.

### ***2.1.3. Tình hình tội phạm***

Xuất phát từ những đặc điểm đặc trưng của kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đã ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tội phạm. Bảng sau cho chúng ta thấy “bức tranh toàn cảnh” về tình hình tội phạm ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015:

**Bảng 2.1: So sánh mức độ gia tăng của một số nhóm tội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015 (số lượng vụ án, số lượng bị can Cơ quan điều tra khởi tố)**

Năm		2011	2012	2013	2014	2015
Nhóm tội phạm về ma túy	SL vụ án	376	437	399	388	354
	SL bị can	415	504	461	440	404
Nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu	SL vụ án	468	464	537	602	519
	SL bị can	626	593	670	686	626
Nhóm tội xâm phạm trật tự an toàn xã hội	SL vụ án	317	409	422	392	316
	SL bị can	999	912	1061	1051	875
Nhóm tội vi phạm an toàn giao thông, an toàn lao động, cháy nổ	SL vụ án	99	105	97	65	69
	SL bị can	102	107	99	66	67
Nhóm tội phạm về tham nhũng và chức vụ, tội xâm phạm hoạt động tư pháp	SL vụ án	9	10	12	14	9
	SL bị can	16	22	20	25	13
Tội phạm về kinh tế và môi trường	SL vụ án	0	0	20	2	5
	SL bị can	0	0	42	1	6
<b>Tổng</b>	<b>SL vụ án</b>	<b>1269</b>	<b>1425</b>	<b>1487</b>	<b>1463</b>	<b>1272</b>
	<b>SL bị can</b>	<b>2158</b>	<b>2138</b>	<b>2353</b>	<b>2269</b>	<b>1991</b>

*Nguồn báo cáo tổng kết công tác năm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên [34,35,36,37,38].*

Bảng trên cho ta thấy tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 2011 đến 2015 có xu hướng giảm về số lượng vụ án, tuy nhiên tăng về số lượng bị can Cơ quan điều tra khởi tố cho thấy tính chất, mức độ và thủ đoạn của các hành vi phạm tội ngày càng nghiêm trọng và tinh vi phức tạp hơn. Các đối tượng phạm tội có tổ chức, ổ nhóm và trên nhiều địa bàn, sử dụng hung khí nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội. Án nhóm tội xâm phạm sở hữu cao nhất trong cơ cấu tội phạm, nhóm tội xâm phạm trật tự an toàn xã hội đến nhóm tội phạm về ma túy. Trong các năm 2013 đến 2015, xuất hiện một số tội phạm thuộc nhóm tội phạm về kinh tế và môi trường, tham nhũng và chức vụ [34,35,36,37,38].

Từ tình hình tội phạm trên địa bàn đã tác động đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Thái Nguyên là một tỉnh trung tâm kinh tế của vùng trung du miền núi phía Bắc với số lượng án nhiều nên công tác cán bộ của VKSND các cấp trong toàn tỉnh cũng được nâng cao.

Cụ thể năm 2011 toàn ngành KSND tỉnh Thái Nguyên có 201 Cán bộ công chức. Có 66 KSV cấp huyện, thị xã, thành phố (trong đó có 11 đồng chí Lãnh đạo viện) làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự.

- Về trình độ nghiệp vụ: Cử nhân Luật:  $66/66 = 100\%$ ; Thạc sỹ luật:  $4/66 = 6,06\%$ .

- Về kinh nghiệm công tác: Dưới 05 năm công tác: 36 KSV, từ 5 năm đến 10 công tác có 40 KSV, trên 10 năm công tác 45 KSV [29].

Năm 2015 toàn ngành KSND tỉnh Thái Nguyên có 227 Cán bộ công chức. Có 80 KSV cấp huyện, thị xã, thành phố (trong đó có 14 đồng chí Lãnh đạo viện) làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự.

- Về trình độ nghiệp vụ: Cử nhân Luật:  $80/80 = 100\%$ ; Thạc sỹ luật:  $14/80 = 17,5\%$ .



- Về kinh nghiệm công tác: Dưới 05 năm công tác: 72 KSV, từ 5 năm đến 10 năm công tác có 37 KSV, trên 10 năm công tác 38 KSV [38].

Với số liệu trên cho thấy việc đầu tư cho cán bộ cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự sơ thẩm tại các địa phương trong tỉnh ngày càng được quan tâm. Số lượng hàng năm của cán bộ hàng năm được bố trí cho công tác này có tăng lên, trong đó tỷ lệ cán bộ có kinh nghiệm công tác từ 10 năm trở lên chiếm tỷ lệ cao 47,5%. Số cán bộ, KSV trẻ đều có trình độ Cử nhân luật trở lên.

## **2.2. Những kết quả hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm**

### ***2.2.1. Những kết quả đạt được***

Chất lượng, hiệu quả tranh tụng của KSV Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm có nhiều chuyển biến tích cực. Trong những năm qua, không có trường hợp KSV từ chối tranh tụng, đối đáp với luật sư, người bào chữa. Điều đó được cho là đã góp phần bảo đảm phán quyết của Tòa án khách quan, chính xác, đúng sự thật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan, sai đối với người phạm tội.

Trong những năm qua, hoạt động tranh tụng có hiệu quả, cùng với các hoạt động tố tụng khác đã góp phần giảm thiểu tình trạng oan sai trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Đảm bảo tính đúng đắn trong hoạt động xét xử sơ thẩm. KSV đã làm tốt công tác nghiên cứu hồ sơ như chuẩn bị đề cương xét hỏi, dự kiến các nội dung cần tranh tụng, chủ động và tích cực tham gia xét hỏi, tranh tụng, đối đáp và có trách nhiệm, trên cơ sở nắm vững những quy định của pháp luật liên quan đến các nội dung vụ án khi tham gia xét xử. Do đó quan điểm của KSV Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa HSST được HĐXX chấp nhận với tỉ lệ cao, chiếm khoảng 99,9 %.

**Bảng 2.2: Số lượng vụ án TAND cấp sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và tỷ lệ số vụ Tòa án chấp nhận quan điểm của VKS (2011-2015)**

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
SL vụ án Tòa án đã xét xử	1039	1222	1259	1205	1129
SL vụ án TA chấp nhận quan điểm VKS	1038	1222	1257	1205	1129
Tỷ lệ %	99,9 %	100%	99,84 %	100%	100%

*Nguồn báo cáo tổng kết công tác năm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên [34, 35,36,37,38 ].*

Cùng với các hoạt động khác, hoạt động tranh tụng của KSV cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tại phiên tòa HSST đã góp phần làm giảm tỷ lệ án hủy do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, áp dụng pháp luật hình sự xuống mức thấp nhất. Năm 2011: hủy 07 vụ án; năm 2012: hủy 05 vụ; năm 2013: hủy 02 vụ; năm 2014: hủy 11 vụ; năm 2015: hủy 09 vụ. Trong số án hủy trên có 11 vụ án hủy có lỗi của KSV [34, 35,36,37,38].

Tuy nhiên, một vấn đề cần lưu ý là khi đánh giá chất lượng tranh tụng thông qua tiêu chí tỷ lệ án hủy ở cấp phúc thẩm, còn phải chú ý một số nguyên nhân khách quan dẫn đến làm tăng tỷ lệ án hủy ở tỉnh Thái Nguyên trong thời gian gần đây. Do đó, tỷ lệ án hủy có lúc không phản ánh đúng chất lượng truy tố cũng như chất lượng tranh tụng. Cụ thể trong thời gian qua, do Tòa án nhân dân tối cao có Công văn 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014, có nội dung hướng dẫn Tòa án các cấp giải quyết về các vụ án ma túy theo hướng phải có giám định bắt buộc hàm lượng chất ma túy trong chất bị thu giữ nghi là chất ma túy để làm cơ sở giải quyết vụ án. Lâu nay, kể từ khi có

Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn thực hiện một số quy định của Bộ luật hình sự về các tội phạm về ma túy, các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn giải quyết các vụ án ma túy trên cơ sở giám định chất ma túy mà không giám định về hàm lượng chất ma túy (trừ các trường hợp theo hướng dẫn của Thông tư 17). Việc Tòa án nhân dân tối cao có Công văn 234 nêu trên dẫn đến tình trạng Tòa án nhân dân các cấp, trong đó có Tòa án cấp phúc thẩm đã hoãn xét xử hoặc hủy án sơ thẩm nhiều vụ án để yêu cầu giám định hàm lượng chất ma túy. Trong khi đó VKSNDTC và Cơ quan điều tra có quan điểm trái ngược với nội dung của Công văn 234 nói trên. Tuy hiện nay đã có Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương VIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999. Nhưng TANDTC chưa có văn bản chính thức bãi bỏ Công văn 234 dẫn đến tình trạng Thẩm phán kéo dài không đưa vụ án ra xét xử hoặc ra Quyết định trưng cầu giám định hàm lượng đối với các vụ án liên quan đến ma túy. Bên cạnh đó, việc Cơ quan điều tra của VKSNDTC gần đây đã khởi tố bị can đối với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phúc thẩm xét xử oan đối với ông Nguyễn Thanh Chấn về tội Giết người hoặc vụ án Giết người, Cướp tài sản đối với ông Huỳnh Văn Nén. HĐXX sơ thẩm bị kiểm điểm, phê bình, rút kinh nghiệm. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa bị tạm dừng xét xử, Cơ quan điều tra VKSNDTC đang điều tra, làm rõ. Với những vụ án trên đã gây tâm lý mang tính phòng ngừa đối với các Thẩm phán, thà hủy án còn hơn làm oan, do vậy chỉ cần bản án sơ thẩm có một chút sai sót là có thể bị hủy.

### ***2.2.2. Kết quả tranh tụng và các tiêu chí cụ thể***

Như ở phần trên đã phân tích, bản chất của tranh tụng là hoạt động tranh luận của KSV tại phiên tòa trên cơ sở qui định của pháp luật và các

chứng cứ trong hồ sơ cũng như các chứng cứ mới được cung cấp và kiểm tra tại phiên tòa. Tuy nhiên để có được hoạt động tranh tụng có chất lượng, KSV cần tiến hành những hoạt động mang tính chuẩn bị trước và sau khi tranh tụng. Do vậy khi đánh giá chất lượng tranh tụng không chỉ dựa vào các tiêu chí phản ánh hoạt động tranh luận của KSV mà cần phải đánh giá qua các tiêu chí phản ánh các hoạt động mang tính chuẩn bị trước và sau khi tranh tụng.

#### *2.2.2.1. Chất lượng nghiên cứu, lập hồ sơ kiểm sát*

Công tác lập hồ sơ kiểm sát cơ bản đã tuân thủ quy định tại Quyết định số 07/QĐ- VKSTC ngày 12/01/2006. Ở giai đoạn sơ thẩm, Kiểm sát viên đã nắm chắc toàn bộ diễn biến của vụ án, trích cứu, sao chụp các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS....

Nhìn chung KSV cấp huyện, thị xã, thành phố của VKSND tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng đề cương xét hỏi theo Quy chế thực hành quyền công tố và KSXX các vụ án hình sự ban hành kèm Quyết định số 960 ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSNDTC. Đa số đề cương gắn với việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, dự kiến đầy đủ các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa. Nhiều đề cương được xây dựng có chất lượng tốt.

*2.2.2.2. Chất lượng xây dựng bản luận tội và việc trình bày của KSV tại phiên tòa.*

Xác định hoạt động tranh tụng là khâu đột phá theo tinh thần cải cách tư pháp, do vậy lãnh đạo VKSND tỉnh Thái Nguyên luôn quan tâm đến việc chuẩn bị bản luận tội. Đa số các bản luận tội tại phiên tòa sơ thẩm đều đáp ứng được yêu cầu như nêu tóm tắt được nội dung vụ án, viện dẫn chứng cứ chứng minh khẳng định được tính có căn cứ của quyết định truy tố, phân tích được nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; phân tích vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, đánh giá được nhân thân, nêu và đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự; nhận định, phân tích căn cứ giải quyết việc bồi thường, xử lý vật chứng [39].

Bên cạnh việc chuẩn bị kỹ nội dung bản luận tội hoặc bài phát biểu quan điểm, tại phiên tòa, nhiều KSV rèn luyện cho mình tác phong chững chạc, tự tin, cách trình bày quan điểm mềm dẻo, thấu tình đạt lý, thái độ đúng mực. Nhiều phiên tòa, dư luận, báo chí và người tham dự phiên tòa đánh giá cao năng lực, trình độ của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thái Nguyên.

#### *2.2.2.3. Kỹ năng và chất lượng xét hỏi đã được nâng lên*

Theo qui định tại Điều 22 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và KSXXHS thì KSV có trách nhiệm tham gia xét hỏi. Đối với phiên tòa sơ thẩm, KSV tham gia xét hỏi nhằm kiểm tra tính có căn cứ của quyết định truy tố của VKS. Kiểm sát viên tham gia xét hỏi còn để tìm cơ sở giúp Kiểm sát viên tranh luận với Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

Trong thực tiễn, khi xét hỏi, HĐXX cho dù có xét hỏi nhiều thì cũng rất ít khi xét hỏi hết tất cả các vấn đề liên quan, cần thiết. Do vậy vẫn có “đất” để cho KSV xét hỏi, làm rõ các vấn đề chưa được HĐXX hỏi đến hoặc chưa rõ. Kinh nghiệm là sau khi HĐXX đã xét hỏi, KSV vẫn tham gia xét hỏi để chốt lại các vấn đề, làm cơ sở cho tranh luận.

#### *2.2.2.4. Chất lượng tranh luận tại phiên tòa*

Trọng tâm của phiên tòa xét xử là tranh luận của Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng khác. Đa số các KSV đã thực hiện nghiêm túc việc tranh luận theo qui định tại Điều 322 BLTTHS 2015, Điều 17 Luật tổ chức VKSND, các Điều 24, 41 Quy chế công tác THQCT & KSXX các vụ án hình sự.

Trong nhiều phiên tòa, do nghiên cứu kỹ hồ sơ, nghiên cứu kỹ căn cứ pháp luật, ghi chép đầy đủ, kịp thời diễn biến những tình tiết mới xuất hiện tại phiên tòa, Kiểm sát viên đối đáp và làm rõ từng vấn đề luật sư đưa ra với lập luận sắc bén, có căn cứ, phản bác lại quan điểm của luật sư. Bên cạnh đó,

nhiều KSV có thái độ nghiêm túc, cầu thị, sẵn sàng tiếp thu các quan điểm, luận cứ và luận chứng của người tranh luận đối lập khi thấy có lý, hợp pháp; ví dụ như tiếp thu các tình tiết giảm nhẹ mới và đề nghị HĐXX công nhận, bổ sung khi đánh giá TNHS đối với bị cáo. Các điểm mới phát sinh sau khi xét hỏi và tranh luận được KSV ghi chép và bổ sung kịp thời vào dự thảo quan điểm của VKS (bản luận tội hoặc bài phát biểu quan điểm của KSV).

Văn hóa pháp lý trong tranh luận cũng được các Kiểm sát viên chú ý khi tham gia tranh luận. Thực tế khá nhiều phiên tòa trước đây diễn ra 2 thái cực, hoặc là Kiểm sát viên né tránh, ngại tranh luận, giữ thái độ im lặng, hoặc tranh luận thì áp đặt, không có cơ sở, không thuyết phục; thái độ và ngôn từ tranh luận gay gắt, đao to búa lớn, không còn ý nghĩa tranh luận, luận bàn mà nhiều khi mang tính “tranh cãi”, “đôi co”, làm mất đi tính nghiêm minh trong xét xử. Trong những năm gần đây, nhiều VKS đã quan tâm đến việc xây dựng cho mình văn hoá trong tranh tụng; xây dựng các qui tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa. Nhiều Kiểm sát viên có khả năng trình bày tốt, nội dung tranh luận ngắn gọn xúc tích, dễ hiểu, thái độ tranh luận khiêm tốn, không mặt sát, kích động mà mềm dẻo, có tính thuyết phục [40].

### ***2.2.3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được***

***Một là*** nhận thức đúng đắn của Lãnh đạo và của Kiểm sát viên về tranh tụng.

Nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV trong xét xử hình sự luôn là vấn đề quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo VKS các cấp, đề ra các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV. Nhận thức tranh tụng không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm nên Kiểm sát viên đã chủ động, tích cực thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa.

***Hai là***, Việc đầu tư cho công tác cán bộ đã được chú trọng

Trong những năm qua, chất lượng cán bộ ngày càng được nâng lên. Cán bộ được bổ nhiệm Kiểm sát viên đều đáp ứng đầy đủ các quy định về đạo

đức, phẩm chất, năng lực, trình độ theo quy định tại Điều 2, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Pháp lệnh Kiểm sát viên. VKSND tỉnh Thái Nguyên đã bố trí đủ lực lượng cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự; trong đó có nhiều KSV có năng lực, có nhiều năm kinh nghiệm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự. Kiểm sát viên có kinh nghiệm trên 10 năm công tác chiếm tới 47,5% [38].

**Ba là**, tổ chức hoạt động thông khâu trong công tác giải quyết án hình sự là một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm được nâng lên.

Trước đây, giữa hoạt động kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử thực hiện theo mô hình chuyên khâu, do các KSV công tác ở các đơn vị nghiệp vụ khác nhau thực hiện. Mô hình này đã khiến cho KSV tham gia phiên tòa khó khăn khi tiếp cận vụ án ở giai đoạn xét xử, bởi lẽ sau khi có Cáo trạng, trong thời gian ngắn (3 ngày), VKS phải chuyển hồ sơ và bản Cáo trạng sang Tòa án sơ thẩm. Với thời gian này, KSV được phân công THQCT và KSXX tại phiên tòa không có điều kiện để nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, do vậy khó khăn khi bảo vệ quan điểm của VKS tại phiên tòa. Sau khi thực hiện mô hình thông khâu, KSV kiểm sát điều tra vụ án vừa đồng thời là người thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là một thuận lợi để KSV nắm vững được bản chất vụ án, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án, giúp KSV có đủ cơ sở để THQCT tại phiên tòa, tự tin khi tranh luận. Mặt khác, thông qua hoạt động kiểm sát điều tra, truy tố, KSV có điều kiện nắm được bản chất con người của bị cáo, tính cách cũng như thái độ tâm lý của bị cáo...từ đó giúp Kiểm sát viên có kỹ năng, phương pháp phù hợp đối với từng bị cáo khi tham gia tranh luận [40].

### **2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

#### **2.3.1. Những tồn tại, hạn chế**

*Thứ nhất, tình trạng các vụ án hình sự sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại*

Mặc dù số lượng án hủy ở tỉnh Thái Nguyên chiếm tỷ lệ không cao, song một số vụ án hủy do lỗi của KSV trong tranh tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót như xét hỏi chưa làm rõ được các dấu hiệu bắt buộc cấu thành tội phạm, thiếu chứng cứ, tranh luận không đi sâu vào phân tích, khi phát sinh tình tiết mới không chưa quay lại xét hỏi để làm rõ.

Trong 5 năm (2011 đến 2015), cấp phúc thẩm hủy án của TAND cấp sơ thẩm tại tỉnh Thái Nguyên để điều tra lại chiếm khoảng 0,58% các vụ án đã xét xử [34, 35, 36, 37, 38]. Trong số vụ án hủy để điều tra lại không ít vụ án vi phạm pháp luật nghiêm trọng như quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Ví dụ vụ án Đồng Thị Yên, Phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” xảy ra ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung vụ án: Vào hồi 11 giờ, ngày 12/9/2014, tại khu vực thác Mưa rơi, thuộc xóm Kim Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang Hà Văn Hồng đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua điều tra Hồng khai nhận: Vào khoảng 13<sup>h</sup> ngày 11/9/2014, Hồng cùng Lý Văn Thủy đến nhà Đồng Thị Yên ở xóm Trung Sơn, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai mua của Yên 02 gói ma túy (hêrôin ) với giá 100.000đ/01 gói, sau khi mua được ma túy, Hồng đã sử dụng hết một gói hêrôin, còn lại 01 gói Hồng cất giấu trong người. Ngày 12/9/2014 Hồng cùng Thủy đến khu vực thác Mưa Rơi, Hồng đem ra sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Võ Nhai phát hiện thu giữ.



Căn cứ vào lời khai nhận của Hồng và Thủy, ngày 13/9/2014 cơ quan CSĐT Công an huyện Võ Nhai tiến hành khám xét nơi ở của Đồng Thị Yên, kết quả thu giữ trong bếp của gia đình Yên được 03 gói chất bột màu trắng có trọng lượng 0,58 gam (nghỉ là hêrôin). Qua giám định số chất bột màu trắng thu được tại nhà Yên là hêrôin. Vụ án được khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử Đồng Thị Yên về hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09, ngày 17/04/2015 TAND huyện Võ Nhai áp dụng khoản 1 điều 194 BLHS tuyên bố Đồng Thị Yên phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, xử phạt Đồng Thị Yên 36 tháng tù về tội danh và hình phạt nêu trên.

Quá trình điều tra vụ án, Đồng Thị Yên không thừa nhận hành vi phạm tội của mình mà liên tục kêu oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, Đồng Thị Yên kháng cáo kêu oan, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm, xem xét minh oan cho bị cáo. Quá trình xem xét theo trình tự phúc thẩm thấy việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm, không đầy đủ, có nhiều tình tiết mà cấp sơ thẩm chưa làm rõ nên HĐXX cấp phúc thẩm quyết định hủy án trên để điều tra lại.

Quá trình giải quyết vụ án, từ giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, Đồng Thị Yên liên tục kêu oan, không thừa nhận việc bán ma túy cho Hà Văn Hồng. Yên không nhận tội mà cho rằng 03 gói ma túy thu tại nhà Yên là do Lý Văn Thủy đưa vào nhà mình, vì trước đó Thủy và Yên có mâu thuẫn với nhau, do việc Thủy nợ tiền Yên nhưng chưa trả hết tiền nợ, nên chồng Yên đã giữ xe máy của Thủy. Vì vậy lợi dụng lúc vợ chồng Yên đi vắng Thủy đã đưa ma túy vào nhà Yên để trả thù. Trong giai đoạn xét xử vụ án, bị cáo Yên đã giao cho người bào chữa 01 chiếc USB, ghi lại nội dung cuộc nói chuyện giữa bị cáo và người làm chứng Lý Văn Thủy tại khu vực Hang Roi, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai và một tờ giấy ghi tiêu đề là “*Bản ghi âm*” (Bản dịch) có nội dung Thủy thừa nhận trước thời điểm Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của bị cáo, Thủy có mặt tại khu vực nhà bị cáo. Tại phiên tòa sơ thẩm các tài liệu

trên bị cáo và Luật sư đề nghị được xem xét làm căn cứ tuyên bị cáo Yên không phạm tội, nhưng không được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, trong quá trình điều tra vụ án, phát sinh tình tiết mới là việc nghi vấn có người đến nhà bị cáo trong ngày 13/9/2014, khi gia đình bị cáo (Yên) vắng nhà, nhưng cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xác minh làm rõ. Khi xét xử sơ thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ mới; lời khai người làm chứng Hà Văn Hồng, Lý Văn Thủy có nhiều điểm mâu thuẫn không được KSV làm rõ. KSV thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án cũng như HĐXX sơ thẩm nhận thức, đánh giá nguồn chứng cứ chưa đúng nên quyết định tuyên bố bị cáo Đồng Thị Yên phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” là chưa đủ căn cứ nên cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại theo theo thủ tục chung.

Qua vụ án trên thấy rằng chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm còn hạn chế, không phát hiện ra những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên không đề nghị HĐXX sơ thẩm hoãn phiên tòa để trả hồ sơ điều tra bổ sung.

*Thứ hai, vẫn còn tình trạng Kiểm sát viên chưa làm tốt công tác chuẩn bị cho hoạt động xét xử, ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa*

Để làm tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, đòi hỏi KSV phải làm tốt công tác nghiên cứu hồ sơ, xây dựng hồ sơ và các việc khác phục vụ cho phiên tòa. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn không ít hồ sơ xây dựng chưa đảm bảo quy định của ngành, thiếu các tài liệu phục vụ cho việc tranh tụng, phô trương lan, không trích cứu, trích dẫn các chứng cứ quan trọng, việc sắp xếp thứ tự bút lục thiếu khoa học... Nhiều KSV không chuẩn bị đề cương xét hỏi, trong đó dự kiến những vấn đề cần làm rõ hơn tại phiên tòa. Trên thực tế, nhiều bản luận tội còn sao chép cơ bản (thậm chí là nguyên văn) bản cáo trạng; phân tích sơ sài, không làm rõ các nội dung cần xem xét, kết luận; kết cấu không hợp lý, thiếu các luận cứ và luận

chứng thuyết phục ; không trích dẫn đầy đủ các bút lục. Một số trường hợp (thường xảy ra ở các KSV lâu năm làm công tác xét xử nên có tư tưởng chủ quan) không viết luận tội hoặc bản phát biểu mà ra phiên tòa “nói vo”, không cần chuẩn bị trước. Điều này là vi phạm quy định của ngành về công tác lập hồ sơ kiểm sát, đồng thời hệ quả của nó là chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa không cao.

### *Thứ ba, chất lượng xét hỏi của một số KSV còn hạn chế*

Theo qui định của Bộ luật TTHS, xét hỏi là thủ tục tố tụng tại phiên tòa nhằm kiểm tra công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ các mâu thuẫn (nếu có) của các chứng cứ cũng như để kiểm tra các chứng cứ mới được cung cấp tại phiên tòa. Về trình tự xét hỏi, Điều 307 Bộ luật TTHS 2015 qui định Chủ tọa phiên tòa hỏi trước, sau đó đến các Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi ...Do vậy khi đến lượt KSV tham gia xét hỏi thì có hai khả năng xảy ra: Khả năng thứ nhất là các thành viên HĐXX đã xét hỏi rất kỹ về các vấn đề của vụ án; khả năng thứ hai là HĐXX chỉ hỏi sơ sài, còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Vì vậy, cần xác định rõ việc KSV tham gia xét hỏi tại phiên tòa là để làm rõ những vấn đề của vụ án nhằm để có cơ sở bảo vệ (cũng là để kiểm tra) quan điểm truy tố thể hiện trong cáo trạng. Vì vậy về nguyên tắc, KSV có trách nhiệm tham gia xét hỏi để làm rõ những vấn đề mà HĐXX chưa hỏi, hoặc HĐXX đã xét hỏi nhưng chưa làm rõ, hoặc hỏi về những vấn đề có mâu thuẫn giữa chứng cứ trong hồ sơ với lời khai tại phiên tòa mà chưa được làm rõ.

Thực tiễn xét xử tại cấp sơ thẩm ở VKSND tỉnh Thái Nguyên còn nhiều trường hợp KSV tham gia hoạt động xét hỏi chất lượng chưa cao; thể hiện qua việc không chú ý theo dõi việc xét hỏi của các thành viên HĐXX nên hỏi lặp lại, hỏi về những vấn đề không trọng tâm, không có mâu thuẫn (hỏi cho có). Khi KSV hỏi hoặc nghe HĐXX hỏi có những tình tiết mới

nhưng không được tiếp thu và sửa đổi kịp thời vào trong bản luận tội, thái độ và ngôn từ sử dụng khi xét hỏi còn nhiều hạn chế.

*Thứ tư, chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*

Thực tiễn vai trò của Kiểm sát viên trong tranh tụng tại một số phiên tòa vẫn chưa đạt yêu cầu. Một số phiên tòa, Kiểm sát viên ngại xét hỏi, ngại tranh luận khiến phiên tòa diễn ra tẻ nhạt. Kiểm sát viên tuy không hẳn từ chối tranh luận nhưng né tránh những vấn đề khó mà những người tham gia tố tụng nêu ra. Việc ghi chép, theo dõi các thông tin, tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa còn hạn chế dẫn đến việc tranh tụng, xét hỏi, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án không thuyết phục. Văn hóa trong tranh luận ở một số phiên tòa chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều phiên tòa chưa thực sự dân chủ. Một số KSV khi tranh luận không trên cơ sở quy định của pháp luật mà mang nặng tính hơn thua, cay cú, chỉ trích, thiếu bình tĩnh trong tranh tụng [40].

Một trong những cơ sở để KSV tranh tụng với người tham gia tố tụng là hệ thống chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan nên KSV không nghiên cứu kỹ hồ sơ, vì vậy không rõ chứng cứ này tại bút lục bao nhiêu, nội dung của nó là gì? Nó có ý nghĩa gì trong việc giải quyết vụ án...do vậy không thể đối đáp lại người tranh tụng. Thái độ này của KSV gây bức xúc cho người tham gia tranh tụng nên họ yêu cầu KSV phải đối đáp lại, làm rõ thêm, gây căng thẳng trong tranh luận. Bên cạnh hệ thống chứng cứ, các qui định của pháp luật cũng là cơ sở để các bên tranh tụng tranh luận, đối đáp lẫn nhau. Nhiều trường hợp, do không nắm vững các qui định của pháp luật hình sự nên KSV không tranh luận, bảo vệ quan điểm truy tố, nhất là những vấn đề thường hay có vướng mắc về nhận thức giữa Luật sư với KSV như nhận định về tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ”, “phạm tội chưa đạt”, “tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội”.

### **2.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

*Một là, hệ thống qui phạm pháp luật làm cơ sở cho tranh tụng còn chưa hoàn thiện.*

Hệ thống pháp luật này bao gồm hai nhóm: Nhóm các qui định là cơ sở pháp lý cho hoạt động tranh tụng (như các qui định về quyền và nghĩa vụ của KSV, Luật sư bào chữa tại phiên tòa; các qui định về trách nhiệm của HĐXX, của Thẩm phán trong việc đảm bảo cho hoạt động tranh tụng; các qui định về trình tự, thủ tục tranh tụng; về văn hoá tư pháp...) và nhóm các qui định pháp luật về nội dung có liên quan đến các vấn đề đưa ra tranh tụng [40].

Thực tiễn hiện nay cho thấy việc tranh tụng tại phiên tòa của KSV đôi khi diễn ra hời hợt, hình thức. Đã không ít KSV chưa tích cực, chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà ỷ lại vào HĐXX [28]. Bộ luật BLTTHS 2015 quy định tại Điều 26 quy định rõ “ *Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”. Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường

thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa [6, Điều 26].

Cũng tại Điều 322 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thì việc tranh tụng tại phiên tòa được nâng cao, luật sư có quyền bình đẳng với cơ quan tiến hành tố tụng khác: *“Hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án”*, đây là điểm mới so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều điểm tiến bộ, khẳng định rõ vai trò của luật sư trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động tranh tụng nói riêng, ghi nhận quyền bình đẳng của luật sư với những người tham gia tranh tụng tại phiên tòa một cách cụ thể hơn so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Việc chỉ định người bào chữa quy định tại Điều 76 Bộ luật TTHS 2015 trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ: a. Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; b. Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi.

Quy định trên cho thấy Bộ luật TTHS 2015 đã mở rộng quyền bào chữa rất nhiều so với BLTTHS năm 2003. Tạo điều kiện thuận lợi cho người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo.

Về quyền của người bào chữa quy định tại Điều 58 BLTTHS 2003, là một trong các quyền của Người bào chữa là thu thập tài liệu, tình tiết liên quan đến bào chữa...đưa ra các tài liệu, đồ vật, yêu cầu. Tuy nhiên để có cơ sở pháp lý ràng buộc cần phải có những quy định cụ thể buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải xem xét các tài liệu, đồ vật do người bào chữa cung cấp thì nay BLTTHS 2015 quy định chặt chẽ đối với Người bào chữa có quyền: “ a) Gặp, hỏi người bị buộc tội; b) Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; c) Có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; d) Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; đ) Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa; e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; g) Đề nghị tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; h) Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; i) Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra,

đánh giá; k) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản...”

Ngoài những quyền trên, người bào chữa có nghĩa vụ: “ a) Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; ... Không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết khi thực hiện bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; g) Không được tiết lộ thông tin về vụ án, về người bị buộc tội mà mình biết khi bào chữa, trừ trường hợp người này đồng ý bằng văn bản và không được sử dụng thông tin đó vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Người bào chữa vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị hủy bỏ việc đăng ký bào chữa, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của luật”.

Tuy nhiên BLTTHS năm 2015 chưa quy định người bào chữa có quyền mời người làm chứng mà chỉ quy định được đề nghị triệu tập người làm chứng, còn việc có triệu tập hay không lại hoàn toàn phụ thuộc vào cơ quan và người tiến hành tố tụng có thẩm quyền. Chúng tôi cho rằng người làm chứng là một trong những quyền quan trọng để đảm bảo cho hoạt động tranh tụng được bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội tại phiên tòa, vì vậy để đảm bảo hơn nữa cho quá trình tranh tụng, cần có quy định cho phép người bào chữa có quyền mời người làm chứng.

*Hai là, Vấn đề tranh tụng một thời gian trước đây không được coi trọng tại phiên tòa xét xử nói chung và tại TAND cấp sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên.*



KSV tham gia phiên tòa chỉ đọc Cáo trạng và phát biểu Luận tội là xong nhiệm vụ, còn hoạt động khác hầu như không có ý kiến. Tỷ lệ có Luật sư tham gia quá ít: 151 vụ/5851 vụ án đã xét xử giai đoạn 2011- 2015, chiếm 2,59% vụ [ 34, 35, 36, 37, 38]. KSV không tranh luận thường xuyên, do đó ít có kinh nghiệm trong hoạt động tranh tụng, phản xạ tình huống kém. Một số KSV mặc dù đã được bổ nhiệm lâu năm và cũng đã tham gia xét xử nhiều vụ án nhưng hoạt động tranh tụng với Luật sư lại hoàn toàn mới mẻ. Hoạt động tranh tụng chỉ trở thành kỹ năng khi nó được thực hiện thường xuyên, thuần thục và nâng lên thành nghệ thuật.

*Ba là, công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực trình độ nói chung, bồi dưỡng về kỹ năng tranh tụng cho KSV tham gia phiên tòa nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, Việc đào tạo bồi dưỡng tư duy logic hình thức cho các KSV để vận dụng vào hoạt động tranh tụng chưa được lãnh đạo các cấp quan tâm thường xuyên, kịp thời. Để thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự, KSV cần phải thường xuyên rèn luyện tư duy logic, khả năng tổng hợp, phân tích đánh giá chứng cứ, thường xuyên rèn luyện kỹ năng đọc, nói, viết, kỹ năng cảm hóa, giáo dục, thuyết phục người tham gia phiên tòa, nhất là kỹ năng tranh tụng [40].*

*Bốn là, trình độ năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp của một số bộ phận KSV, Thẩm phán, Luật sư vẫn còn hạn chế nhất định*

Về trình độ, năng lực nghiệp vụ của một số KSV còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay. Đây là nguyên nhân chính thuộc yếu tố chủ quan hạn chế việc thực hiện vai trò của KSV trong thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử nói chung và trong tranh tụng tại phiên tòa nói riêng. Bởi lẽ, chất lượng tranh tụng có được là do con người, phụ thuộc vào khả năng chuyên môn của những KSV trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó còn có những KSV chưa tận tâm, tận lực, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và thực hiện lập hồ sơ theo quy định. Dẫn đến nhiều tình trạng không nắm được các

chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác trong vụ án dẫn đến kết quả tranh tụng không cao.

Để thực hiện tốt việc tranh tụng của KSV tại phiên tòa, không chỉ đặt ra yêu cầu về năng lực trình độ của KSV mà còn phụ thuộc vào đội ngũ Luật sư. Cũng như nhiều KSV, Luật sư chưa được đào tạo, bồi dưỡng về logic học hình thức nên mắc khá nhiều lỗi trong nhận thức và tư duy. Bản chất của hoạt động tranh tụng là hoạt động chứng minh, tuy nhiên do thiếu kiến thức về tư duy logic, nhiều KSV không thực hiện tốt hoạt động chứng minh do không nắm được các qui luật, qui tắc chứng minh. Việc bào chữa mang tính áp đặt thiếu căn cứ, vướng lỗi tư duy “ngụy biện” như tư duy không đầy đủ, phiến diện; đánh tráo khái niệm, đánh tráo đối tượng chứng minh v.v... dẫn đến luận chứng để chứng minh khi bào chữa không có tính thuyết phục.

Đội ngũ Luật sư chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Số Luật sư tham gia bào chữa ở cấp sơ thẩm đang còn rất hạn chế. Ngoài ra, chất lượng tranh tụng còn phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng điều tra, truy tố, phụ thuộc vào trình độ năng lực của Thẩm phán được giao nhiệm vụ điều khiển phiên tòa. Không ít Thẩm phán điều khiển phiên tòa, tiến hành xét hỏi, tổ chức hoạt động tranh luận thiếu trách nhiệm, có tư tưởng “cho qua”, “đóng kịch” theo kiểu “án bỏ túi”. Có Thẩm phán thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình tại phiên tòa cho “xong việc”, phó mặc cho KSV [40].

*Năm là, sự quá tải trong công việc được đánh giá là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chất lượng tranh tụng còn hạn chế*

Theo số liệu thống kê và qua báo cáo phản ánh cho thấy trong những năm qua áp lực trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự là rất lớn. Trung bình mỗi KSV Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên phải nghiên cứu, xét xử 50 vụ án hình sự/ năm (chưa kể đến các tranh chấp dân sự khác). Đây là một trong các nguyên nhân cơ bản dẫn đến hạn chế đến hoạt động tranh tụng.

*Sáu là, mô hình thông khâu có những hạn chế nhất định cho tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm*

Theo mô hình thông khâu, KSV được phân công KSĐT sẽ đồng thời là người được THQCT và KSXX sơ thẩm vụ án, do vậy bên cạnh những ưu điểm trong việc nắm vững hồ sơ vụ án để làm cơ sở cho tranh luận, có thể có những hạn chế như: Do KSV vừa được giao kiểm sát điều tra, vừa tiến hành kiểm sát xét xử tại phiên tòa nên dễ lệ thuộc vào quan điểm đã đề xuất truy tố khi KSĐT; dẫn đến tư tưởng hoặc bảo thủ, hoặc chủ quan khi tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm; có những KSV kiểm sát điều tra tuy có kinh nghiệm nhưng lại hạn chế về kỹ năng khi tranh tụng tại phiên tòa.

*Bảy là, Ý thức pháp luật của bị can, bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác còn hạn chế, chưa hiểu biết pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình và chưa ý thức được rằng họ tham gia vào quá trình tố tụng cũng là để bảo vệ pháp luật, giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan tư pháp [40].*

## **Kết luận chương 2**

Từ thực tiễn về tranh tụng KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011- 2015 cho chúng ta thấy, chất lượng tranh tụng đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: Chất lượng nghiên cứu hồ sơ, xây dựng bản luận tội, chuẩn bị đề cương xét hỏi, các kỹ năng tranh tụng của KSV khi tham gia phiên tòa đã được nâng lên từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có tình trạng KSV nhận thức chưa đúng và đầy đủ về tranh tụng dẫn đến chất lượng xét hỏi, tranh tụng KSV cấp sơ thẩm hạn chế ... làm cho chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tỉnh Thái Nguyên chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Qua việc đánh giá kết quả đã đạt được, những mặt còn hạn chế, chúng ta đã chỉ rõ nguyên nhân, tồn tại, hạn chế để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

**CHƯƠNG 3**  
**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG**  
**TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM**

Từ cơ sở lý luận về tranh tụng, tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm; đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên, tổ chức và hoạt động của VKSND tỉnh Thái Nguyên, thực trạng về hoạt động tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự nói chung và nói riêng tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tác giả đề xuất giải pháp và những kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn hiện nay, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới.

**3.1. Những yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm**

Trên cơ sở đánh giá những nguyên nhân của thành tựu cũng như những tồn tại trong hoạt động tranh tụng của KSV cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho thấy KSV cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây để có thể nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng:

*Thứ nhất:* KSV phải nắm vững hồ sơ vụ án, nắm vững chứng cứ buộc tội và gỡ tội, các chứng cứ được thể hiện ở các tài liệu nào, bút lục số bao nhiêu, những hạn chế, vướng mắc trong hồ sơ và ảnh hưởng của nó trong quá trình sử dụng chứng cứ tranh luận tại phiên tòa. Nắm vững bản chất của vụ án, những vấn đề có thể phát sinh có liên quan đến các đối tượng tranh tụng [40].

*Thứ hai:* Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn, các quy định của pháp luật có liên quan nhằm vận dụng đúng đắn, chính xác khi tham gia tranh luận. Sự hiểu biết và nắm vững pháp luật sẽ tạo ra niềm tin nội tâm vững chắc cho KSV khi tranh tụng,

khi khẳng định quan điểm truy tố hoặc khi bác bỏ quan điểm của người tranh tụng khác .

*Thứ ba:* Kiểm sát viên phải đáp ứng đầy đủ các quy định về năng lực, trình độ theo quy định tại Pháp lệnh Kiểm sát viên. Có tinh thần trách nhiệm trong công tác, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người cán bộ Kiểm sát.

Ngoài ra KSV phải được đào tạo, bồi dưỡng bài bản về logic học hình thức gắn với hoạt động thực hiện chức năng; bởi vì đây là môn khoa học tư duy, không những giúp cho Kiểm sát viên có lối tư duy mang tính hệ thống, chặt chẽ và chính xác, mà còn giúp KSV đấu tranh với tư duy ngụy biện, thuật triết trung, cố ý đánh tráo khái niệm, đánh tráo đối tượng, quy chụp, áp đặt, phiến diện, không có tính thuyết phục của Luật sư hoặc của những người tham gia tố tụng.

*Thứ tư:* Có kinh nghiệm và thành thạo các kỹ năng thực hành quyền công tố và KSXX, trong đó có các kỹ năng tranh tụng, có văn hoá ứng xử trong giao tiếp tại phiên tòa. Tại phiên tòa, để tranh luận thành công, Kiểm sát viên phải có các kỹ năng nghề nghiệp đặc thù như:

- Kỹ năng đặt câu hỏi: Kiểm sát viên phải biết cách đặt câu hỏi, vừa không vi phạm qui định cấm của pháp luật, hỏi ngắn gọn, dễ hiểu, rõ ràng. Phạm vi hỏi là hỏi về những gì HĐXX chưa hỏi, hỏi rồi nhưng còn thiếu hoặc chưa rõ; hỏi về những gì còn có mâu thuẫn và hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng (hỏi để nhấn mạnh lại một lần nữa các chứng cứ đã có trong hồ sơ để khẳng định giá trị của chứng cứ đó, phục vụ cho tranh luận sau đó). Khi xét hỏi các bị cáo trong vụ án có đồng người tham gia hoặc có đồng phạm, KSV phải có kế hoạch xét hỏi bị cáo nào trước, bị cáo nào sau; hỏi về vấn đề nào trước, vấn đề nào sau để có thể bóc lộ được những tình tiết có ý nghĩa nhất, khách quan nhất. Khi xét hỏi có thể kết hợp với đấu tranh với những mâu thuẫn trong lời khai của người được xét hỏi.

- Kỹ năng quan sát, lắng nghe, tổng hợp ý kiến, ghi chép: Tại phiên toà, KSV phải biết lắng nghe, đồng thời tư duy tổng hợp ý kiến, so sánh đối chiếu ý kiến, quan điểm với những gì đã được nghiên cứu trước để ghi nhận các thông tin đã nghe thấy, phát hiện ra những thông tin còn thiếu hay có mâu thuẫn với những thông tin mà mình đã có; ghi chép điểm chính của thông tin, đồng thời dự kiến những vấn đề cần hỏi thêm hay cần tranh luận, cần chứng minh hay bác bỏ. Những thông tin mới mà được KSV chấp nhận thì cần ghi chép lại và kịp thời chỉnh sửa những luận điểm, luận chứng mà KSV đã chuẩn bị trước đó (trong bản luận tội, trong bài phát biểu hoặc để phát biểu bổ sung). KSV phải quan sát, nắm diễn biến của phiên toà, thái độ của HĐXX khi thực hiện nhiệm vụ, thái độ của người tham gia tố tụng, nhất là bị cáo, người bào chữa để chuẩn bị hoặc để phát hiện ra những vấn đề cần xử lý. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy khi ghi chép, để nhấn mạnh những nội dung cần chú ý, KSV có thể sử dụng các loại bút có loại mực khác nhau để đánh dấu, tạo sự chú ý, tránh bỏ quên nội dung.

- Kỹ năng đối đáp, phản bác các quan điểm sai trái: Kiểm sát viên phải kịp thời phát hiện những luận điểm, quan điểm sai trái của những người tranh tụng với mình để bác bỏ và đề nghị Hội đồng xét xử ra phán quyết đầy đủ, đúng đắn. Đây là thời điểm KSV vận dụng tư duy logic hình thức trong tranh luận, qua việc vận dụng các qui luật của tư duy (qui luật đồng nhất, qui luật cấm mâu thuẫn trong tư duy, qui luật loại trừ cái thứ ba, qui luật lý do đầy đủ); vận dụng các hình thức của suy luận (suy luận diễn dịch, suy luận qui nạp), vận dụng tư duy chứng minh, bác bỏ (là quá trình tư tưởng, nhờ đó ta chứng minh rằng một luận điểm nào đó là không chân thực) hoặc KSV hiểu biết tư duy theo kiểu nguy biện của người bào chữa, bị cáo để bác bỏ, phê phán (tư duy nguy biện là quá trình tư tưởng nhằm làm cho người khác nhầm lẫn giả dối là chân thực, chân thực là giả dối như đánh tráo khái niệm, đánh tráo đối tượng...). Khi tranh luận, đối đáp, KSV cần linh hoạt chọn các hình

thức của suy luận để áp dụng cho các trường hợp cụ thể [40]. Khi đối đáp, tranh luận với người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác; KSV có thể bác bỏ quan điểm (luận điểm) của phía tranh tụng đối lập; trong đó phương pháp mang tính thuyết phục nhất là bác bỏ các luận cứ, luận chứng của phía đối lập bằng các luận cứ, luận chứng của mình, từ đó dẫn đến bác bỏ, phủ định luận điểm (quan điểm) của phía tranh tụng đối lập. Cần hạn chế sử dụng phương pháp bác bỏ quan điểm của phía đối lập chỉ bằng quan điểm của mình mà không có luận cứ, luận chứng đi kèm. Việc sử dụng phương pháp này được coi là kiểu tư duy không đầy đủ, gây tranh cãi, không có tính thuyết phục.

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: Kiểm sát viên phải sử dụng ngôn từ thật sự đơn giản, tự nhiên, trong sáng, lưu loát, dễ hiểu, hành văn rõ ràng mạch lạc, sử dụng những từ ngữ nước ngoài, trình bày những con số có giá trị lớn phải chính xác. Ngôn ngữ và cách sử dụng ngôn ngữ phải có văn hoá, thể hiện sự nghiêm minh, dân chủ, đúng pháp luật, tôn trọng người tranh luận.

- Kỹ năng sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ: Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ có rất nhiều các công cụ phương tiện, kỹ thuật hỗ trợ Kiểm sát viên thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa như máy ghi âm, máy chiếu, máy tính xách tay... đòi hỏi Kiểm sát viên phải có kỹ năng sử dụng các thiết bị này, có như vậy mới góp phần hỗ trợ Kiểm sát viên thành công trong tranh tụng tại phiên tòa.

*Thứ năm:* Có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người Kiểm sát “*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*”, không cầu thả, thiếu trách nhiệm trong công việc.

Có thể coi đây là các điều kiện cần và đủ để nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa trong giai đoạn hiện nay.

### **3.2. Giải pháp bảo đảm triển khai thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thực thi trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa theo đúng tinh thần cải cách tư pháp**

Điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: ‘Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm’. Lần đầu tiên, tranh tụng được quy định là một nguyên tắc trong xét xử. Để thực hiện quy định này, cần thiết phải rà soát các quy định hiện hành về hoạt động tranh tụng trong BLTTHS và các văn bản pháp luật khác để kịp thời xây dựng các chế định làm rõ các nội dung, phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của VKS, của Luật sư, của Thẩm phán trong phiên tòa hình sự, nâng cao hơn nữa trách nhiệm của KSV trong tranh tụng tại phiên tòa, ngành KSND tiếp tục rà soát những văn bản liên quan để sửa đổi, bổ sung hướng dẫn về tác nghiệp giúp KSV phát huy khả năng tranh tụng tại phiên tòa hình sự. Đây cũng là một trong những giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ qua thực tiễn công tác của KSV. Bên cạnh đó, các cơ quan tư pháp Trung ương tiếp tục khẩn trương ban hành hướng dẫn các qui định của BLHS, BLTTHS và các qui định còn có vướng mắc khác. Cần ghi nhận nguyên tắc trong các trường hợp qui định của pháp luật còn có vướng mắc mà chưa có hướng dẫn thì việc nhận thức và áp dụng pháp luật phải theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo. Tư tưởng này xuất phát từ nguyên tắc đã được thừa nhận trong quản lý Nhà nước là: Công dân được làm những gì mà pháp luật không cấm; công chức khi thi hành công vụ chỉ được làm những gì mà pháp luật qui định.

*Thứ nhất*, Coi tranh tụng là vấn đề có tính xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án, tức là không chỉ tại phiên tòa, mà quá trình tranh tụng diễn ra ngay từ khi xuất hiện vấn đề buộc tội và gỡ tội trong vụ án. Quyết định của Tòa án chỉ có thể căn cứ vào quá trình tranh tụng, trên cơ sở xem xét, thẩm tra, đánh giá chứng cứ được đưa ra từ các bên một cách khách quan toàn diện [21].



*Thứ hai*, để nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa thì điều đầu tiên quyết định và quan trọng nhất trong BLTTHS phải thể hiện rõ tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản của TTHS, từ đó cụ thể hóa hơn nữa những quy định về tranh tụng tại phiên tòa, tạo ra cơ chế thích hợp và hiệu quả cho quá trình tranh tụng. Từ việc thừa nhận là một nguyên tắc thì tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và các chủ thể khác tham gia vào quá trình tố tụng đều phải ý thức và hướng mọi hoạt động của họ theo nguyên tắc ấy.

*Thứ ba*, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nên có vai trò là trọng tài phán quyết vụ án, để việc xét hỏi theo hướng buộc tội của đại diện Viện kiểm sát và việc xét hỏi theo hướng gỡ tội của Luật sư bào chữa. Tuy nhiên, Bộ luật TTHS hiện nay vẫn còn có những quy định chưa phù hợp, điều đó làm cho các chủ thể tham gia tranh tụng không nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của mình trong tranh tụng nên không tích cực, chủ động trong việc thực hiện chức năng của mình mà ỷ lại và phụ thuộc vào HĐXX. Vì vậy, chính các chủ thể tham gia tranh tụng (Kiểm sát viên, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác...) cũng chưa ý thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình trong tranh tụng. Tôi đồng ý với quan điểm các quy định về trình tự, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa trong BLTTHS cần phải sửa đổi theo hướng để các bên tranh tụng thực hiện trách nhiệm chứng minh và tiến hành xét hỏi là chủ yếu, còn Tòa án thực hiện việc giám sát, duy trì trình tự xét hỏi và có quyền tham gia vào quá trình đó ở bất kỳ thời điểm nào khi thấy cần thiết phải làm sáng tỏ các tình tiết nào đó về vụ án chưa được các bên làm rõ trong quá trình xét hỏi.

*Thứ tư*, quy định tại Điều 289 BLTTHS 2015 quy định đối với những vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì có thể có nhiều KSV tham gia phiên tòa. Quy định này nhằm tùy nghi số lượng KSV tham gia phiên tòa nên cần nghiên cứu xem xét.

*Thứ năm*, cần quy định cho người bào chữa có quyền được tự mình mời người làm chứng đến các cơ quan tiến hành tố tụng, còn người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố thì có quyền được đọc, sao chép hồ sơ dưới sự kiểm soát của cơ quan tiến hành tố tụng.

*Thứ sáu*, để đảm bảo nâng cao năng lực tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố và yêu cầu tăng trách nhiệm của KSV tại phiên tòa cần nghiên cứu Điều 19 và Điều 22 của Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự (ban hành kèm theo quyết định số 121 ngày 16/9/2004 của Viện trưởng VKSNDTC) với việc áp dụng Điều 297 quy định về “hoãn phiên tòa” của BLTTHS 2015. Theo quy định Điều 19 quy chế, nếu tại phiên tòa nếu phát hiện có căn cứ dẫn đến có thể thay đổi quan điểm truy tố theo hướng kết luận về tội danh khác nặng hơn hoặc phát hiện có tình tiết mới, khác với nội dung truy tố của VKS đối với bị cáo thì KSV đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để xin ý kiến của lãnh đạo VKS. Bộ luật TTHS không quy định trường hợp hoãn để KSV xin ý kiến lãnh đạo VKS hoặc để bổ sung chứng cứ. Hoặc, tại Điều 22 của quy chế quy định trong quá trình xét hỏi, nếu người tham gia tố tụng cung cấp thêm tài liệu mới và thấy rằng chưa có cơ sở để xác định, kết luận thì KSV đề nghị hoãn phiên tòa để xác minh, BLTTHS cũng không quy định hoãn phiên tòa trong trường hợp này. Như vậy, tại phiên tòa BLTTHS 2015 không quy định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm trong những trường hợp như quy định tại Điều 19 và Điều 22 Quy chế quy định cho KSV được đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để có thời gian báo cáo lãnh đạo Viện để xin ý kiến lãnh đạo VKS do phát sinh tại phiên tòa những vấn đề chủ quan KSV thấy rằng phải hoãn phiên tòa mới có thể giải quyết được. Do đó để nâng cao tính chịu trách nhiệm về quyết định của mình, thể hiện chất lượng hoàn thành nhiệm vụ qua năng lực tranh tụng của KSV tại phiên tòa, thì

một mặt cần xem xét bổ sung Điều 19 của quy chế giao quyền cho KSV được đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đề nghị hoãn phiên tòa.

*Thứ bảy*, thực tiễn tranh tụng cho thấy đối với những vụ án do Cơ quan điều tra Bộ công an tiến hành điều tra, VKSNDTC cử KSV thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, lập cáo trạng truy tố và chuyển địa phương theo chế độ ủy quyền thực hành quyền công tố theo Điều 38 của Quy chế tạm thời về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự (ban hành kèm theo quyết định 120/2004/QĐ- VKSNDTC ngày 14/9/2004 của Viện trưởng VKSNDTC) đang tồn tại, vướng mắc . Trước hết là về nhận thức, hiểu thế nào là “ủy quyền thực hành quyền công tố tại phiên tòa” trong khi đó cấp tiến hành tố tụng điều tra, kết luận điều tra, lập cáo trạng quyết định truy tố không phải là cấp được ủy quyền. Việc thực hiện ở cấp ủy quyền và cấp được ủy quyền có trái gì với quy định của BLTTHS hay không; giải thích việc ủy quyền đó được hiểu là ủy quyền theo thẩm quyền quản lý hành chính tổ chức hay ủy quyền theo TTTHS. Thực tế cho thấy, do yêu cầu trong đấu tranh phòng chống tội phạm, những vụ án hình sự đặc biệt lớn, có tính chất đặc biệt nghiêm trọng; nhiều người phạm tội và liên quan đến nhiều cấp, nhiều địa phương khác nhau; có sự quan tâm theo dõi rộng rãi của công luận...được các cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương thống nhất ủy quyền xét xử sơ thẩm cho Tòa án cấp tỉnh ở một số nơi để có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Nhưng do KSV thực hành quyền công tố không được tiếp cận ngay ban đầu của quá trình tố tụng trong giai đoạn điều tra, không lập cáo trạng truy tố, hồ sơ có vụ hàng ngàn bút lục phải được đọc, nghiên cứu chuẩn bị trước những vấn đề thẩm vấn, dự thảo luận tội, dự kiến tình huống tranh luận đối đáp và thường là những vụ có nhiều bị cáo, nhiều luật sư và đông người tham gia tố tụng; thời gian xét xử kéo dài nhiều ngày là những thử thách đối với năng lực

thực hành quyền công tố của KSV tại phiên tòa xét xử vụ án. Nhất là phần tranh luận, đối đáp bảo vệ cáo trạng, cân nhắc đề xuất hình phạt. Do vậy, nếu có thiếu sót về năng lực tranh tụng phải rút bớt phần nào của cáo trạng truy tố hoặc tranh luận không hết theo yêu cầu của phía người bào chữa sẽ gây ra phản cảm và bị công luận chê trách, nghi ngờ cho công tác đấu tranh chống tội phạm. Do vậy, Bộ luật TTHS cần quy định cho KSV VKSTC có quyền tham gia phiên tòa sơ thẩm để THQCT vụ án do VKSNDTC truy tố, không uỷ quyền như hiện nay [40].

*Thứ tám*, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu: Một nguyên nhân cũng không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo tính trang nghiêm của Tòa án là cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành Tòa án phần lớn đã xuống cấp, lạc hậu, không phù hợp với yêu cầu của công tác xét xử trong tình hình mới. Một số Tòa án quá chật hẹp không đảm bảo tính trang nghiêm của Tòa án, không có phòng cách ly người làm chứng và các bên tham gia tố tụng do đó ảnh hưởng đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

### **3.3. Một số giải pháp khác nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm**

#### ***3.3.1. Nhận thức đúng và đầy đủ các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong hoạt động xét xử của Tòa án***

Nghị quyết số 49 đã chỉ rõ: “*Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử hình sự, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá trong hoạt động tư pháp*”; xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh...

Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử

lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội.

Tăng cường hơn nữa trách nhiệm các cơ quan tố tụng trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân; cụ thể hóa các trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ quyền và trách nhiệm luật định, hạn chế tối đa các quy định chung chung, phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành.

Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá trong hoạt động tư pháp; xác định rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng theo hướng công khai, dân chủ, nghiêm minh... Từ những quan điểm chỉ đạo trên cho thấy, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp, trong đó có việc xác định nâng cao chất lượng tranh tụng của chủ thể là KSV thực hành quyền công tố, luật sư... và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh. HĐXX phải căn cứ vào kết quả tranh tụng để phán quyết theo nguyên tắc *“Độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật”*.

Thực tế hiện nay vẫn đang còn những tồn tại, hạn chế như tranh tụng còn nhiều bất cập, trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn yếu, thậm chí có một số sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; còn tình trạng có lúc, có nơi cấp ủy Đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp..., Từ đó nhiệm vụ của Ban cán sự Đảng VKSNDTC, TANDTC đã xây dựng chương trình kế hoạch và xác định lộ trình, thực hiện từng công việc cụ thể thuộc trách nhiệm của ngành, cấp ủy địa phương phải tăng cường sự lãnh đạo đối với các cơ quan tư pháp ở địa phương [40].

### ***3.3.2. Xây dựng cơ chế đảm bảo cho việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa***

Nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự không thể không đề cập đến cơ chế để đảm bảo thực hiện nó, trong đó có vấn đề tổ chức phiên tòa. Việc tổ chức phiên tòa làm sao phải thể hiện rõ địa vị pháp lý (quyền và nghĩa vụ tố tụng) của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Phiên tòa phải đảm bảo để không những nghĩa vụ tố tụng mà các quyền tố tụng của những người tham gia tố tụng, nhất là của bị cáo được thực hiện đầy đủ. Các cơ quan tiến hành tố tụng như Viện kiểm sát, Tòa án (Hội đồng xét xử) thực hiện đúng chức năng của mình được pháp luật quy định [9, tr. 15].

Để đảm bảo cho việc tranh luận tại phiên tòa phát huy được tác dụng đích thực của nó, tôi đồng tình với quan điểm:

- Thẩm phán, Kiểm sát viên phải nhận thức hồ sơ vụ án chỉ là tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập, chưa chắc đã là chính xác, lúc này nguyên tắc giả định bị cáo vô tội phải được quán triệt. Cần thực hiện đúng nguyên tắc “*bản án chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa*”. Và thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 08/NQ-TW việc giải quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật có sức thuyết phục [9, tr. 15].

- Bị cáo, các đương sự và người bào chữa cho bị cáo, bảo vệ quyền lợi cho đương sự phải chủ động và tích cực đưa ra những chứng cứ, lý lẽ, cơ sở pháp luật để tranh luận với KSV cũng như giữa các đương sự trong vụ án. Diễn biến phiên tòa phải bám sát vào quy định của BLTTHS để không bỏ sót quy trình và đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia tranh tụng, nhưng để

thực hiện như vậy cần có cơ chế giám sát và biên bản phiên tòa là nơi thể hiện rõ nhất diễn biến của phiên tòa. Do đó, chúng tôi ủng hộ quan điểm việc ghi âm, ghi hình và công bố công khai mọi diễn biến tại phiên tòa, trừ trường hợp vì lý do như: an ninh quốc gia, bảo vệ danh dự, nhân phẩm, bí mật công tác, đời tư ... hoặc lý do khác mà pháp luật quy định.

Mặt khác, cần đề cao vai trò của người bào chữa với tư cách là một bên có quyền bình đẳng tranh tụng trong phiên tòa. Từ kết quả tranh tụng bình đẳng, công khai, dân chủ, HĐXX xem xét một cách toàn diện và khách quan mọi chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa cả những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã được đưa ra tranh luận, đối đáp giữa phía KSV thực hành quyền công tố và phía bào chữa để chứng minh tính sự thật khách quan của vụ án.

### ***3.3.3 Tiếp tục tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm***

Đây là một giải pháp hữu hiệu giúp KSV nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, song cần tổng kết việc áp dụng biện pháp này để nâng cao hơn nữa chất lượng phiên tòa rút kinh nghiệm. Việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là biện pháp tự đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV của từng Viện kiểm sát về THQCT và KSXX, trong đó nhấn mạnh nội dung rút kinh nghiệm về kỹ năng tranh tụng. Việc chọn vụ án phức tạp hay đơn giản, có hay không có Luật sư bào chữa, có đông hay có ít bị cáo... phụ thuộc vào việc cần rút kinh nghiệm cho ai, người đó là KSV lâu năm hay mới vào nghề; việc rút kinh nghiệm cho KSV thực hành quyền công tố là chính hay là rút kinh nghiệm cho những người tham dự phiên tòa? Qua đó để chọn vụ án cho phù hợp. Cần tránh nhận thức cho rằng việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là để thực hiện phong trào thi đua, để chấm điểm và phân loại, đánh giá KSV. Tuy rằng trong hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ và chỉ tiêu thi đua của ngành có qui định về việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm nhưng việc tổ chức phiên

toà này trước hết phải vì mục đích nâng cao chất lượng THQCT và KSXX nói chung, chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên toà nói riêng. Muốn thực hiện tốt những yêu cầu trên, đòi hỏi từng KSV phải nghiên cứu, xây dựng phương pháp nghiên cứu hồ sơ khoa học, thiết thực và hình thành các cách thức phương pháp nghiên cứu hồ sơ cho bản thân mình dựa trên đặc điểm của vụ án, tội danh... Việc nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự là việc làm thường xuyên liên tục của KSV, thời điểm thực hiện và kết thúc là từ khi có tin báo tội phạm cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Đó là các “chặng đường” nghiên cứu hồ sơ để phê chuẩn lệnh giữ, quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn và các quyết định phê chuẩn khác; nghiên cứu hồ sơ để đề ra bản yêu cầu điều tra, chuẩn bị cho kết thúc điều tra; nghiên cứu hồ sơ để thực hành quyền công tố tại phiên toà. Để giúp cho việc tranh tụng đạt kết quả tốt khi nghiên cứu hồ sơ vụ án KSV cần kết hợp nghiên cứu lại lý luận về tội danh đã truy tố. Thực tiễn tranh tụng cho thấy do chỉ nghiên cứu hồ sơ vụ án, nắm rõ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ nên phải đối đáp với người bào chữa liên quan đến lý luận tội phạm thì KSV tỏ ra lúng túng, vì quên khái niệm hoặc nhớ không đầy đủ đặc trưng của tội phạm, các yếu tố cấu thành cơ bản của tội. Do đó, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án lại là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà.

#### ***3.3.4 Giải pháp về công tác cán bộ nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm***

Từ thực trạng hạn chế về công tác cán bộ nêu trên, để nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát nói chung, nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

***Thứ nhất, thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí và sử dụng cán bộ, KSV***



Trong mọi lĩnh vực, công tác cán bộ luôn giữ vai trò then chốt, là yếu tố có ý nghĩa quyết định đến mức độ hoàn thành chất lượng, hiệu quả công việc. Công tác kiểm sát nói chung và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự của Kiểm sát viên nói riêng. Xác định rõ, cán bộ Kiểm sát là những người làm việc trong môi trường công việc đặc thù, với áp lực công việc cũng như yêu cầu, đòi hỏi về trách nhiệm rất cao. Chính vì vậy, trong quá trình tổ chức thi, tuyển dụng cán bộ VKSND tỉnh Thái Nguyên phải chọn được những cán bộ có trình độ, hiểu biết về kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội. Ngoài ra còn có khả năng về ngoại ngữ, tin học, có phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị. Mặt khác, phải tính tới việc cán bộ được tuyển dụng tương lai sẽ là những KSV thực hành quyền công tố, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy cần chú trọng đến công tác sơ tuyển, bảo đảm không bị khiếm khuyết về hình thể, không nói láp, nói nhịu, có khả năng diễn thuyết, hùng biện trước đám đông. Có như vậy mới có thể thực hiện tốt hoạt động thực hành quyền công tố, tranh tụng tại phiên tòa khi được bổ nhiệm KSV.

Quá trình bố trí, sử dụng cán bộ phải tính đến sự phù hợp về năng lực chuyên môn, bảo đảm tính hợp lý, khoa học trong việc bố trí, sử dụng cán bộ. Quá trình công tác Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên cần phân công cán bộ thử thách qua nhiều khâu công tác cũng như cương vị công tác khác nhau, tránh việc “đóng khung” cán bộ tại một khâu công tác nhất định, vừa dễ nảy sinh tình trạng tiêu cực, vừa giảm ý trí phấn đấu, học hỏi, gây nên tâm lý nhàm chán trong công tác. Công tác quy hoạch cán bộ của VKSND tỉnh Thái Nguyên phải được thực hiện thường xuyên nhằm tạo nguồn cán bộ. Muốn vậy, phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng KSV trẻ, KSV chủ chốt của ngành, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có cơ hội, môi trường thuận lợi để rèn luyện, thử thách, phát triển.

***Thứ hai, tăng cường công tác tập huấn, nâng cao trình độ và kỹ năng tranh tụng cho đội ngũ KSV***

Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hiện nay đang được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo việc thực hiện theo yêu cầu của Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị. Với thực trạng tổ chức chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn nhiều bất cập nhưng chậm được đổi mới, kiện toàn. Công tác cán bộ cũng chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình hiện nay; đội ngũ cán tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Việc nâng cao trình độ, kỹ năng tranh tụng cho đội ngũ Kiểm sát viên VKSND hai cấp ở tỉnh Thái Nguyên là đòi hỏi khách quan và cấp thiết. Để thực hiện được mục tiêu này, một mặt đòi hỏi ngành cần tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ Kiểm sát viên giữ nhiệm vụ THQCT tại phiên tòa để nâng cao hơn nữa kỹ năng nghiệp vụ, tăng cường tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Nội dung tập huấn tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng viết, trình bày luận tội, nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp chứng cứ, kỹ năng nói, hùng biện, diễn đạt trước đông người. Tài liệu tập huấn được lấy từ nguồn các vụ án có thật trong tỉnh và ngoài tỉnh, bảo đảm tính thiết thực và có thể vận dụng vào thực tiễn. Sau tập huấn cần yêu cầu Kiểm sát viên viết báo cáo thu hoạch từ thực tiễn xét xử để tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm. Việc tập huấn được duy trì hàng năm, trước khi tập huấn phải khảo sát số liệu thực tiễn, chuẩn bị tài liệu kỹ lưỡng, công phu, bảo đảm thực chất, hiệu quả cao.

Về phương hướng: Các Nghị quyết của Đảng đã chỉ ra yêu cầu tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp phải khoa học, hợp lý về cơ cấu cũng như tổ chức. Xác định Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, nhất là cán bộ có chức

danh tư pháp theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh.

Đối với các cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp cũng cần xây dựng nội dung các chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực văn hóa tư pháp trong quan hệ tranh tụng tại phiên tòa hình sự. Đây cũng là vấn đề mới và cần thiết cho yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng. Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng của ngành kiểm sát đối với KSV về kỹ năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự cần xây dựng nội dung, chương trình các kỹ năng như: Xây dựng bản cáo trạng, xây dựng bản luận tội, đề cương xét hỏi, kế hoạch đối đáp; kỹ năng đọc cáo trạng, kỹ năng xét hỏi, kỹ năng trình bày bản luận tội, kỹ năng tranh luận, đối đáp của KSV tại phiên tòa ...

Các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của ngành kiểm sát cần có nội dung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tổng hợp về mọi lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm trong điều kiện hội nhập kinh tế nước ta hiện nay. Thường xuyên tổ chức tập huấn, rút kinh nghiệm chuyên sâu theo các chuyên đề trực tiếp phục vụ cho nhu cầu công việc hoặc chuyên đề của từng lĩnh vực mới phát sinh của tội phạm. Loại tội phạm mới và kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa đối với các loại tội phạm đó. Với yêu cầu cải cách tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử, vì vậy cần có sự đổi mới bổ sung nội dung, chương trình giảng dạy cho phù hợp như các kỹ năng lập kế hoạch xét hỏi, kỹ năng điều khiển phiên tòa.

Thực tiễn hiện nay đang còn nhiều điểm chưa thống nhất về quy tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa xét xử nói chung, trong đó có phiên tòa hình sự. Vì vậy VKSNDTC cần nghiên cứu, xây dựng quy tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa. Trong đó quy định những chuẩn mực như công tác chuẩn bị tham gia phiên tòa, trang phục của KSV, cách xưng hô với HĐXX, với Luật sư, bị cáo và người tham gia tố tụng khác. Hành vi của KSV khi ứng xử với chủ tọa

phiên tòa, khi xét hỏi bị cáo và người tham gia tố tụng khác, khi tranh luận với người bào chữa, cách thức trình bày văn bản... Để thực hiện được mục tiêu này, đòi hỏi ngành Kiểm sát cần tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ KSV thực hành quyền công tố tại phiên tòa để nâng cao hơn nữa các kỹ năng nghiệp vụ, tăng cường tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Định kỳ hàng năm tổ chức các cuộc thi nhằm rèn luyện, nâng cao kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa như: Thi viết cáo trạng, thi viết và trình bày luận tội... Có chế độ khen thưởng về vật chất và tinh thần kịp thời để động viên, khuyến khích Kiểm sát viên không ngừng rèn luyện, nghiên cứu, học tập nâng cao kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa. Cần lấy tiêu chí Kiểm sát viên thực hiện tốt nhiệm vụ Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự - thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa làm một trong những căn cứ đánh giá, phân loại kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ của Kiểm sát viên trong dịp đánh giá phân loại cán bộ công chức hàng năm.

***Thứ ba,** nêu cao ý thức trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên*

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, tranh tụng tại phiên tòa là đại diện cho nhà nước, đại diện cho ngành Kiểm sát, truy tố và buộc tội bị cáo tại phiên tòa, chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên thể hiện chất lượng công tác, vị thế, vai trò của ngành. Vì thế, đòi hỏi mỗi Kiểm sát viên phải có ý thức trách nhiệm cao, yêu ngành, yêu nghề, phải có ý thức tranh đấu đến cùng để bảo vệ cái đúng, bảo vệ sự thật, bảo vệ công lý và quyền con người. Vì vậy KSV tuyệt đối không ý lại vào hồ sơ, cáo trạng, thụ động trong quá trình tranh tụng.

***Thứ tư,** phát động và thực hiện phong trào tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện của đội ngũ Kiểm sát viên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về xây dựng*

*Kiểm sát viên “Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”.*

Hoạt động kiểm sát là lĩnh vực công tác đặc thù, phải nghiên cứu rất nhiều nguồn văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, ngoài ra, trong từng vụ việc cụ thể còn phải nghiên cứu nhiều văn bản quy định về chủ trương, chính sách, chế độ... do Đảng và Nhà nước ban hành, trong khi đó hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên thay đổi. Mặt khác, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa là kỹ năng riêng có của từng người, hệ thống các trường đại học hiện nay chưa thực sự quan tâm đào tạo về kỹ năng này. Do đó, để có thể tranh tụng tốt tại phiên tòa, bắt buộc Kiểm sát viên phải tự học, tự rèn luyện về kỹ năng hùng biện, đối đáp, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp chứng cứ để có thể vận dụng, sử dụng có hiệu quả trong quá trình tranh tụng.

*Thứ năm, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao ý thức chính trị cho đội ngũ Kiểm sát viên*

Đội ngũ Kiểm sát viên là lực lượng nòng cốt của ngành Kiểm sát trong quá trình cải cách tư pháp, xây dựng ngành, có vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Cải cách bộ máy nhà nước nói chung, cải cách tư pháp nói riêng trước hết phải bắt đầu từ vấn đề con người. V.I. Lênin đã chỉ rõ: *Cán bộ phải là người có phẩm chất cao quý, hiểu theo nghĩa là họ có lòng trung thành với sự nghiệp và có năng lực, trách nhiệm.*

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh việc quan tâm cải thiện chế độ, chính sách, phụ cấp mang tính đặc thù để Kiểm sát viên có mức thu nhập ổn định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Ngoài ra Kiểm sát viên phải tăng cường rèn luyện đạo đức cách mạng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: *“Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.* Chính vì vậy, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống là đòi hỏi có tính thường xuyên, liên tục đối với người

cán bộ Kiểm sát. Hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự là hoạt động nhạy cảm, ranh giới giữa hành vi phạm tội và vi phạm hành chính, dân sự... nhiều khi rất mong manh. Trong khi đó, các Kiểm sát viên hàng ngày, hàng giờ tiếp xúc với mặt trái của xã hội, với nhiều hành vi vi phạm và tội phạm. Nếu Kiểm sát viên không rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp sẽ rất dễ bị mua chuộc, lôi kéo, sa ngã.

Yếu tố con người luôn có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công hay thất bại của mọi công việc, lĩnh vực công tác. Nhận thức được điều đó trong những năm qua, VKSND tỉnh Thái Nguyên đã và đang thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, với quyết tâm xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên VKSND hai cấp *“vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”*, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở thực tiễn những tồn tại, hạn chế trong hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp mà Hiến Pháp 2013 quy định và các giải pháp khác như giải pháp về công tác cán bộ, ý thức phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp để bảo vệ cái đúng, bảo vệ sự thật, bảo vệ công lý và bảo vệ quyền con người. Nhằm nâng cao hoạt động tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn hiện nay, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới.

## KẾT LUẬN

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động TTTHS, là căn cứ để xác định sự thật vụ án và là cơ sở để HĐXX ra bản án đúng đắn, khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Trong những năm qua, Đảng ta đã có nhiều Nghị quyết định hướng về tiến trình cải cách tư pháp. Trong đó, vấn đề tranh tụng và nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của KSV thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự là những vấn đề cần nghiên cứu làm rõ và tìm ra các giải pháp để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cải cách tư pháp đã và đang đặt ra.

Thực tiễn tranh tụng của KSV Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được như chất lượng, hiệu quả tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng xét hỏi, tranh luận được nâng lên...bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như vẫn còn có tình trạng các vụ án bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại, chất lượng xét hỏi, tranh luận của một số KSV chưa tích cực và hạn chế về năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Công tác bồi dưỡng năng lực, kỹ năng tranh tụng cho KSV tham gia phiên tòa nói riêng chưa được thường xuyên và chưa được quan tâm đúng mức; trình độ năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp của một số KSV, Thẩm phán, Luật sư vẫn còn tồn tại hạn chế nhất định. Sự quá tải trong công tác được đánh giá là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chất lượng tranh tụng của KSV; ý thức chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng (bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác) còn nhiều hạn chế chưa tuân thủ đúng quy định.

Trong phạm vi đề tài, luận văn góp phần nghiên cứu làm rõ thêm khái niệm tranh tụng, các đặc điểm của tranh tụng, sự cần thiết bổ sung nguyên tắc tranh tụng vào hệ thống các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS hiện hành, làm

rõ thêm cơ sở pháp lý và cơ sở lý luận bảo đảm hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm, các tiêu chí đánh giá chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế đó trong hoạt động tranh tụng của KSV Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Luận văn đề xuất hai giải pháp chính: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm bao gồm:

*Thứ nhất*, giải pháp hoàn thiện pháp luật đưa ra tám đề xuất bổ sung các định của Bộ luật TTHS nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

*Thứ hai*, một số giải pháp khác. Luận văn đề xuất đội ngũ KSV phải nhận thức đúng đắn và đầy đủ quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong hoạt động xét xử của Tòa án; xây dựng cơ chế bảo đảm cho việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa; tiếp tục tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm và các giải pháp về công tác cán bộ nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm như: Cần phải thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí và sử dụng cán bộ, KSV; đổi mới và tăng cường công tác xây dựng tổ chức, hình thức và nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân; Nâng cao ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 25 tháng 5 năm 2005 về chiến lược xây dựng pháp luật đến năm 2010 và định hướng 2020.
3. Bộ Chính trị, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
4. Bộ Chính trị (2012), Nghị quyết 37-NQ/QH 13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013, Hà Nội.
5. Bộ luật tố tụng hình sự (2003) sửa đổi, bổ sung.
6. Bộ luật tố tụng hình sự 2015.
7. Bộ Văn hóa - Thông tin (2004), “Quản lý nhà nước về di sản văn hóa và giáo dục truyền thống ở cơ sở”, Tài liệu học tập lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý ngành Văn hóa - Thông tin, Chuyên đề 11, tr.153-164.
8. Dương Thanh Biểu (2007) “Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Nguyễn Kim Chi “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng trong phiên tòa hình sự”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 191,03/2011.
10. Nguyễn Mai Chi “Tranh tụng tại phiên tòa theo yêu cầu của cải cách tư pháp”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội 2011.
11. Đại học luật Hà Nội (2008) , “Giáo trình tố tụng hình sự Việt Nam” nhà xuất bản Công an nhân dân.
12. Ngô Văn Độn (2004), Nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố về vấn đề thông khâu và chuyên khâu trong công tác kiểm sát hình sự, Đề tài khoa học cấp bộ: Viện KSNDTC.

13. PGS.TS Trần Văn Độ (2004) “*Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*” , Tạp chí khoa học pháp lý.
14. Hiến pháp (2013) *sửa đổi, bổ sung*.
15. Nguyễn Hứa Hậu, “*Về kỹ năng xây dựng và trình bày bản luận tội*”, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014), tr 15-19.
16. PGS.TS Nguyễn Văn Huyền (2003), “*Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo trong phiên tòa mở rộng tranh tụng*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật, số 08/2003.
17. Nguyễn Văn Huyền (2014), “*Thực tiễn tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam và việc hoàn thiện Bộ luật tố tụng hình sự để hiện thực hóa nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp 2013*”, Hội thảo quốc tế Học viện tư pháp- Viện FES Cộng hòa liên bang Đức “*Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự*”
18. Đoàn Minh Hương, “*Nâng cao năng lực tranh tụng của KSV qua các phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm ở Phú Thọ*”, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/22014), tr 50-56.
19. Nguyễn Hồng Ly, “*Các quy định về nguyên tắc “Bảo đảm tranh tụng trong xét xử” trong Hiến pháp 1992 sửa đổi 2013*”, <http://vienkiemsathaiphong.gov.vn/ngghien-cuu-phap-luat-116/cac-quy-dinh-ve-nguyen-tac-bao-dam-tranh-tung-trong-xet-xu--trong-hien-phap-1992-sua-doi-2013, 2014>.
20. Thanh Nghị, “*Cần nâng cao năng lực và kỹ năng luận tội, tranh luận của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*”, <http://vienkiemsat.hatinh.gov.vn/vks/portal/read/tin-chuyen-nganh/news/can-nang-cao-nang-luc-va-ky-nang-luan-toi-tranh-luan-cua-kiem-sat-vien-tai-phien.html>
21. Trương Thị Thanh Nhân, “*Một số kiến nghị sửa đổi BLTTHS nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự*”, <http://vienkiemsathaiphong.gov.vn/kiem-sat-vien-viet-115/mot-so-kien->

ngghi-sua-doi-blthhs-nham-nang-cao-chat-luong-tranh-tung-tai-phiên-toa-hình-su

22. Tôn Thiện Phương ( 2015) *Kiểm sát viên cần thực sự bản lĩnh, sắc bén, linh hoạt khi tranh tụng tại phiên tòa*, Tạp chí Kiểm sát số (02/2015).
23. Tôn Thiện Phương (2015), *Các giải pháp về công tác cán bộ của VKS nhan dân tỉnh Nghệ An nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự*, Tạp chí kiểm sát, số Tân xuân (01/2015), tr. 28-33.
24. Đinh Văn Quế, “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc xét hỏi của KSV tại phiên tòa hình sự*”  
[http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p\\_page\\_id=1754190&p\\_cateid=1751909&article\\_details=1&item\\_id=11419778](http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=11419778)
25. PGS. TS. Hoàng Thị Minh Sơn (1998), “*Các chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí luật học, (2), tr 35-38.
26. Trần Hữu Tráng, “*Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*”, Tạp chí luật học, số 01/2010, tr. 42-50.
27. Trần Thanh Thủy (2014), “*Nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án - yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa*”, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014) tr. 9-14.
28. Phạm Minh Tuyên (2014), “*Bàn về tranh tụng tại các phiên tòa hình sự*”, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014), tr. 20-26.
29. Phạm Văn Tuấn, “*Các điều kiện đảm bảo hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm*”  
<http://vienkiemsat.nghean.gov.vn, 17/4/2014>.
30. Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên), 2013, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

32. Võ Khánh Vinh (2004), Bình luận khoa học Bộ luật TTHS, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Văn phòng HĐND-UBND tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ năm 2016.
34. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2011), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2011* (số liệu từ 01/12/2010 đến 31/11/2011).
35. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2012), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2012* (số liệu từ 01/12/2011 đến 31/11/2012).
36. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2013* (số liệu từ 01/12/2012 đến 31/11/2013).
37. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2014* (số liệu từ 01/12/2013 đến 31/11/2014).
38. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2015), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2015* (số liệu từ 01/12/2014 đến 31/11/2015).
39. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự* (ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSNDTC ngày 17/9/2007).
40. Viện KSNDTC, “*Chuyên đề tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*”, <http://www.vksndtc.gov.vn/khac-306>, 19/12/2014.